

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

NGUYỄN DIỆU THỦY

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC THANH TRA,
KIỂM TRA THUẾ TẠI CỤC THUẾ
TỈNH VĨNH PHÚC**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Chuyên ngành: Quản lý kinh tế

Thái Nguyên - 2013

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

NGUYỄN DIỆU THỦY

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC THANH TRA,
KIỂM TRA THUẾ TẠI CỤC THUẾ
TỈNH VĨNH PHÚC**

Chuyên ngành: Quản lý kinh tế

Mã số: 60.34.04.10

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Người hướng dẫn khoa học: TS. VŨ BÁ THỂ

Thái Nguyên - 2013

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan nội dung của Luận văn là công trình nghiên cứu khoa học độc lập và nghiêm túc của riêng tôi. Các số liệu, báo cáo và thông tin trong đề tài là trung thực và được tổng hợp từ những nguồn thông tin có thực với mức độ tin cậy cao. Đồng thời, kết quả nghiên cứu từ công trình này chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tác giả

Nguyễn Diệu Thủy

LỜI CẢM ƠN

hướng dẫn, quan tâm, giúp đỡ
bạn bè, đồng nghiệp và gia đình.

tốt nghiệp
Cô giáo,

nhất :

- Ban Giám hiệu, Phòng Đào tạo Sau đại học và các Thầy, Cô giáo của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh (Đại học Thái Nguyên) đã tạo mọi điều kiện thuận lợi giúp đỡ tôi trong quá trình học tập và hoàn thành luận văn tốt nghiệp.

- TS.Vũ Bá Thế - người đã trực tiếp hướng dẫn, giúp đỡ tận tình và tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để tôi hoàn thành luận văn tốt nghiệp.

- Bạn bè, đồng nghiệp và gia đình đã luôn quan tâm, chia sẻ, động viên tôi trong suốt thời gian thực hiện luận văn.

Tác giả

Nguyễn Diệu Thuỷ

MỤC LỤC

	Trang
Lời cam đoan	i
Lời cảm ơn	ii
Mục lục	iii
Danh mục các bảng	vii
Danh mục các sơ đồ	viii
LỜI MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài.....	1
2. Mục tiêu nghiên cứu.....	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	3
4. Ý nghĩa khoa học và những đóng góp mới của đề tài	3
5. Bố cục của luận văn.....	3
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA CÔNG TÁC THANH TRA, KIỂM TRA THUẾ	4
1.1. Cơ sở lý luận của công tác thanh tra, kiểm tra thuế.....	4
1.1.1. Khái niệm về thanh tra, kiểm tra thuế	4
1.1.2. Đặc điểm, vai trò, mục tiêu của thanh tra, kiểm tra thuế	6
1.1.3. Nguyên tắc của thanh tra, kiểm tra thuế	8
1.1.4. Các hình thức thanh tra, kiểm tra thuế	10
1.1.5. Quy trình thanh tra, kiểm tra thuế	12
1.1.6. Kỹ năng thanh tra, kiểm tra thuế.....	17
1.2. Cơ sở thực tiễn của công tác thanh tra, kiểm tra thuế.....	20
1.2.1. Kinh nghiệm thanh tra, kiểm tra thuế ở một số nước trên thế giới	20
1.2.2. Kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn triển khai công tác thanh tra, kiểm tra thuế của một số nước trên thế giới.....	24
1.2.3. Khả năng vận dụng kinh nghiệm của một số nước trên thế giới vào hoạt động thanh tra, kiểm tra thuế của Việt Nam nói chung và Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc nói riêng	27

1.3. Một số quan điểm và chính sách của Đảng về công tác thanh tra, kiểm tra thuế	29
1.3.1. Một số quan điểm của Đảng về công tác thanh tra, kiểm tra thuế	29
1.3.2. Hệ thống các văn bản chính sách về thanh tra, kiểm tra thuế	31
1.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác thanh tra, kiểm tra thuế	32
1.4.1. Các nhân tố chủ quan.....	32
1.4.2. Các nhân tố khách quan.....	35
Chương 2: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	37
2.1. Các câu hỏi đặt ra mà đề tài cần giải quyết.....	37
2.2. Phương pháp nghiên cứu	37
2.2.1. Phương pháp chọn điểm nghiên cứu	37
2.2.2. Phương pháp thu thập thông tin	37
2.2.3. Phương pháp tổng hợp thông tin.....	38
2.2.4. Phương pháp phân tích thông tin	38
2.2.5. Phương pháp đối chiếu, so sánh.....	38
2.3. Hệ thống các chỉ tiêu nghiên cứu.....	38
2.3.1. Quy mô của doanh nghiệp	39
2.3.2. Loại hình doanh nghiệp	39
2.3.3. Mức độ tuân thủ nộp thuế.....	40
2.3.4. Hiệu quả sản xuất kinh doanh.....	41
2.3.5. Tình hình kê khai, nộp thuế của doanh nghiệp.....	41
2.3.6. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp	41
2.3.7. Các năm đã thực hiện thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp.....	41
Chương 3: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC THANH TRA, KIỂM TRA THUẾ TẠI CỤC THUẾ TỈNH VĨNH PHÚC	42
3.1. Đặc điểm kinh tế - xã hội và tổ chức bộ máy của Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc..	42
3.1.1. Đặc điểm kinh tế - xã hội của tỉnh Vĩnh Phúc	42
3.1.2. Tổ chức bộ máy của Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc	44

3.1.3. Tổ chức công tác thanh tra, kiểm tra thuế tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc	45
3.2. Thực trạng công tác thanh tra, kiểm tra thuế tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc	48
3.2.1. Công tác xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra thuế.....	49
3.2.2. Công tác kiểm tra thuế tại trụ sở CQT	50
3.2.3. Công tác thanh tra, kiểm tra tại trụ sở NNT	53
3.3. Đánh giá thực trạng công tác thanh tra, kiểm tra thuế tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc.....	56
3.3.1. Các kết quả đã đạt được.....	56
3.3.2. Những tồn tại cần khắc phục và nguyên nhân.....	60
Chương 4: CÁC GIẢI PHÁP ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC THANH TRA, KIỂM TRA THUẾ TẠI CỤC THUẾ TỈNH VĨNH PHÚC.....	67
4.1. Quan điểm, phương hướng, mục tiêu của Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc về công tác thanh tra, kiểm tra thuế.....	67
4.1.1. Quan điểm.....	67
4.1.2. Phương hướng	67
4.1.3. Mục tiêu	68
4.2. Các giải pháp đề xuất nhằm hoàn thiện công tác thanh tra, kiểm tra thuế tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc.....	69
4.2.1. Các giải pháp.....	69
4.2.2. Các đề xuất, kiến nghị đối với Nhà nước, Bộ Tài chính, Tổng cục thuế và Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc	74
KẾT LUẬN.....	78
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	79

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Chữ viết tắt	Tên đầy đủ
1	CBCC	Cán bộ công chức
2	CQT	Cơ quan thuế
3	BCTC	Báo cáo tài chính
4	ĐTNN	Đối tượng nộp thuế
5	GTGT	Giá trị gia tăng
6	NNT	Người nộp thuế
7	NSNN	Ngân sách nhà nước
8	TNCN	Thu nhập cá nhân
9	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
10	TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
11	VPHC	Vi phạm hành chính

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 3.1: Kế hoạch thanh tra, kiểm tra thuế tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc năm 2010 - 2012	50
Bảng 3.2: Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở CQT (2010 - 2012).....	51
Bảng 3.3: Báo cáo tổng hợp kết quả thanh tra, kiểm tra thuế tại trụ sở NNT (2010 - 2012).....	53
Bảng 3.4: Kết quả thu NSNN của Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc năm 2010 - 2012....	57
Bảng 3.5: Kết quả thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc năm 2010 - 2012	58
Bảng 3.6: Kết quả Công tác thanh tra, kiểm tra tại trụ sở NNT và số thu NSNN của Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc năm 2010 - 2012	60
Bảng 3.7: Đánh giá hiệu quả công tác kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở CQT	62
Bảng 3.8: Đánh giá hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra thuế tại trụ sở NNT năm 2010 - 2012.....	63

DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Quy trình thanh tra thuế.....	14
Sơ đồ 1.2: Quy trình kiểm tra thuế	16
Sơ đồ 3.1: Tổ chức công tác thanh tra, kiểm tra thuế tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc...	45
Sơ đồ 3.2: Cơ chế thanh tra, kiểm tra theo kỹ thuật quản lý rủi ro	46
Sơ đồ 3.3: Cơ chế thanh tra, kiểm tra theo kỹ thuật quản lý rủi ro	46
Sơ đồ 3.4: Cơ chế thanh tra, kiểm tra theo kỹ thuật quản lý rủi ro	47

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Thuế là nguồn thu chủ yếu của Ngân sách Nhà nước (NSNN), là công cụ quản lý và điều tiết vĩ mô nền kinh tế, điều tiết thu nhập, hướng dẫn tiêu dùng và thực hiện công bằng xã hội.

Cùng với sự phát triển của đất nước, hệ thống chính sách pháp luật về thuế của Việt Nam hiện nay đang ngày càng được đổi mới và hoàn thiện, phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế thị trường có sự quản của lý nhà nước và hội nhập kinh tế thế giới. Việc đổi mới chính sách thuế của Nhà nước ta trong thời gian vừa qua đã góp phần không nhỏ trong việc khuyến khích đầu tư trong nước và nước ngoài, thúc đẩy sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế, tạo nguồn thu lớn cho NSNN, góp phần tăng cường quản lý và điều tiết vĩ mô nền kinh tế.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được như đã nêu trên, hệ thống chính sách pháp luật thuế của Việt Nam hiện nay vẫn còn bộc lộ nhiều bất cập (như chưa đồng bộ và sát với thực tế; chưa bao quát và điều tiết hết các nguồn thu; chưa thật sự đảm bảo bình đẳng, công bằng về nghĩa vụ nộp thuế và phù hợp với thông lệ quốc tế...). Do vậy, trên thực tế đã có không ít đối tượng nộp thuế lợi dụng kẽ hở của cơ chế chính sách để trốn thuế và gian lận thuế.

Trước thực trạng các hành vi trốn thuế, gian lận thuế diễn ra phổ biến và ngày càng tinh vi, phức tạp, cùng với Ngành thuế cả nước, Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc luôn chú trọng và tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế nhằm nâng cao hiệu quả quản lý thuế. Do vậy, đã góp phần răn đe, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm, gian lận về thuế của Người nộp thuế (NNT), thông qua đó góp phần tăng thu cho NSNN, tạo lập công bằng về nghĩa vụ thuế, thúc đẩy cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc các thành

Số hóa bởi Trung tâm Học liệu <http://www.lrc-tnu.edu.vn/>

phần kinh tế và nâng cao dần tính tuân thủ tự giác trong việc chấp hành các chính sách thuế của người nộp thuế trên địa bàn toàn tỉnh.

Mặc dù, Công tác thanh tra, kiểm tra thuế đã được Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc chú trọng, quan tâm và đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, song công tác thanh tra, kiểm tra thuế của Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc vẫn còn tồn tại một số những hạn chế nhất định, cần được tiếp tục hoàn thiện.

Vì vậy, với vai trò là một người cán bộ đang công tác tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc, tôi lựa chọn đề tài: “*Hoàn thiện công tác thanh tra, kiểm tra thuế tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc*” làm Luận văn thạc sỹ của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

2.1. Mục tiêu chung

Thanh tra, kiểm tra thuế là một trong những nội dung quan trọng của công tác quản lý thuế. Do vậy, việc tăng cường và triển khai hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra thuế có ý nghĩa quyết định đến hiệu quả công tác quản lý thuế. Trên cơ sở nghiên cứu một số vấn đề lý luận chung của công tác thanh tra, kiểm tra thuế cũng như đánh giá thực trạng công tác thanh tra, kiểm tra thuế trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, mục tiêu mà đề tài hướng đến là đề xuất các giải pháp “hoàn thiện công tác thanh tra, kiểm tra thuế tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc” nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Xuất phát từ mục tiêu chung, đề tài hướng đến giải quyết các mục tiêu cụ thể sau:

- Hệ thống hoá những lý luận cơ bản về công tác thanh tra, kiểm tra thuế.
- Đánh giá thực trạng công tác thanh tra, kiểm tra thuế tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc, chỉ ra những kết quả đã đạt được, những vấn đề còn tồn tại và nguyên nhân.
- Đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm hoàn thiện và nâng cao hơn nữa chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là việc triển khai thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra thuế tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh do Ngành thuế Vĩnh Phúc quản lý (doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp nhà nước trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa phương, doanh nghiệp ngoài quốc doanh...)

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về không gian:* Đề tài tập trung nghiên cứu về công tác thanh tra, kiểm tra thuế tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc.

- *Về thời gian:* Đề phục vụ đề tài nghiên cứu, tác giả thu thập và khai thác số liệu thanh tra, kiểm tra thuế tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc từ năm 2010 - 2012.

- *Về nội dung nghiên cứu:* Tác giả tập trung đi sâu vào nghiên cứu và đánh giá về thực trạng công tác thanh tra, kiểm tra thuế tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác thanh tra, kiểm tra thuế tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc trong thời gian tới.

4. Ý nghĩa khoa học và những đóng góp mới của đề tài

- Đề tài đã hệ thống hoá được một số vấn đề lý luận cơ bản về hoạt động thanh tra, kiểm tra thuế và sưu tầm được một số kinh nghiệm triển khai công tác thanh tra, kiểm tra thuế của các nước trên thế giới.

- Trên cơ sở nghiên cứu và đánh giá thực trạng công tác thanh tra, kiểm tra thuế tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc, đề tài đã đề xuất được một số giải pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra thuế tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc.

5. Bố cục của luận văn

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận, Luận văn được kết cấu gồm 4 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn của công tác thanh tra, kiểm tra thuế.

Chương 2: Phương pháp nghiên cứu.

Chương 3: Thực trạng công tác thanh tra, kiểm tra thuế tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc thời gian qua.

Chương 4: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác thanh tra, kiểm tra thuế tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc thời gian tới.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA CÔNG TÁC THANH TRA, KIỂM TRA THUẾ

1.1. Cơ sở lý luận của công tác thanh tra, kiểm tra thuế

1.1.1. Khái niệm về thanh tra, kiểm tra thuế

1.1.1.1. Khái niệm

Hoạt động quản lý nhà nước chính là sự tác động có định hướng của chủ thể quản lý - cơ quan thuế (CQT) tới các đối tượng quản lý - đối tượng nộp thuế (ĐTNT) nhằm đạt được mục tiêu động viên một phần thu nhập quốc dân vào NSNN. Do vậy, thanh tra, kiểm tra thuế chính là một công đoạn và là một yếu tố cấu thành của hoạt động lãnh đạo quản lý nhà nước của CQT. Hoạt động quản lý của CQT bao gồm từ việc xây dựng các mục tiêu kế hoạch trong giai đoạn nhất định đến việc tổ chức để thực hiện các mục tiêu kế hoạch đó và sau cùng là tiến hành thanh tra, kiểm tra thuế.

Thanh tra, kiểm tra thuế là một trong bốn chức năng quan trọng của cơ chế quản lý thuế theo mô hình chức năng (*tuyên truyền hỗ trợ; kế toán và xử lý tờ khai; thu nợ và cưỡng chế; thanh tra, kiểm tra*). Bên cạnh việc tôn trọng kết quả tự tính, tự khai tự nộp thuế của NNT, CQT thực hiện các biện pháp giám sát hiệu quả vừa đảm bảo khuyến khích sự tuân thủ tự nguyện, vừa đảm bảo phát hiện ngăn ngừa các trường hợp vi phạm pháp luật thuế. Thanh tra, kiểm tra thuế là một biện pháp hữu hiệu nhằm phát hiện ngăn ngừa vi phạm, giúp NNT nhận thấy luôn có một hệ thống giám sát hiệu quả tồn tại và kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm của họ.

Thanh tra, kiểm tra thuế là hoạt động giám sát của CQT đối với các hoạt động, giao dịch liên quan đến phát sinh nghĩa vụ thuế và tình hình thực hiện thủ tục hành chính thuế, chấp hành nghĩa vụ nộp thuế của NNT, nhằm Số hóa bởi Trung tâm Học liệu <http://www.lrc-tnu.edu.vn/>

bảo đảm pháp luật thuế được thực thi nghiêm chỉnh trong đời sống kinh tế - xã hội.

Thanh tra, kiểm tra thuế được hiểu là việc kiểm tra các hồ sơ khai thuế, các báo cáo tài chính trên cơ sở các nguyên tắc kế toán, quy định của luật thuế để xác định tính chính xác số thuế NNT phải nộp.

1.1.1.2. Phân biệt thanh tra và kiểm tra thuế

Giữa hoạt động thanh tra thuế và kiểm tra thuế có mối quan hệ chặt chẽ, gần gũi và đan xen với nhau. Nếu hiểu theo nghĩa rộng thì thanh tra thuế là một loại hình đặc biệt của kiểm tra thuế, ngược lại nếu hiểu theo nghĩa hẹp, thanh tra thuế lại bao hàm cả kiểm tra thuế. Các hoạt động thao tác nghiệp vụ trong một cuộc thanh tra thuế như việc kiểm tra sổ sách, tài liệu của đối tượng thanh tra; so sánh đối chiếu, đánh giá tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình thanh tra...đó là kiểm tra thuế. Chính vì vậy trong thực tiễn, nhiều người trong đó có cả một số doanh nghiệp thường hay nhầm lẫn, đồng nhất kiểm tra thuế với thanh tra thuế. Tuy nhiên với tư cách là một hoạt động độc lập, thanh tra thuế có nhiều điểm khác biệt với kiểm tra thuế như sau:

- *Về nội dung:* Nội dung thanh tra thường rộng, đa dạng và phức tạp hơn kiểm tra, có thể liên quan đến nhiều đối tượng, lĩnh vực khác nhau.

- *Về mục đích:* Mục đích của thanh tra thuế bao giờ cũng rộng và sâu hơn các hoạt động kiểm tra thuế, đặc biệt đối với các hoạt động thanh tra để giải quyết khiếu nại, tố cáo thì sự khác biệt về mục đích giữa hoạt động thanh tra và kiểm tra càng rõ ràng hơn nhiều.

- *Về phương pháp tiến hành:* Với mục đích rõ ràng hơn, rộng hơn, khi tiến hành thanh tra thuế, Đoàn thanh tra cũng áp dụng những biện pháp nghiệp vụ sâu hơn, đi vào thực chất đến tận cùng của vấn đề hơn (như xác minh, thu thập chứng cứ, đối thoại, chất vấn, giám định) so với kiểm tra thuế.

Đặc biệt, quá trình thanh tra các Đoàn thanh tra còn có thể áp dụng những biện pháp cần thiết như: tạm giữ tang vật, tài liệu; khám nơi cất giấu tang vật, tài liệu... theo quy định của Luật quản lý thuế.

- *Về trình độ nghiệp vụ:* Hoạt động thanh tra thuế đòi hỏi thanh tra viên phải có nghiệp vụ giỏi, am hiểu về kinh tế - xã hội và hệ thống văn bản pháp luật nói chung, có khả năng chuyên sâu vào lĩnh vực thanh tra hướng đến. Do nội dung hoạt động kiểm tra thuế ít phức tạp hơn thanh tra thuế nên nói chung, trình độ nghiệp vụ kiểm tra không nhất thiết đòi hỏi như nghiệp vụ thanh tra.

- *Về phạm vi hoạt động:* Phạm vi hoạt động của kiểm tra thuế thường theo bề rộng, diễn ra thường xuyên, liên tục. Phạm vi hoạt động thanh tra thuế thường hẹp hơn, chỉ tập trung vào các doanh nghiệp có dấu hiệu vi phạm về thuế.

- *Về thời gian tiến hành:* Hoạt động thanh tra thuế thường có nhiều vấn đề phải xác minh, đối chiếu; nhiều mối quan hệ cần được làm rõ, cho nên phải sử dụng thời gian nhiều hơn so với kiểm tra thuế. Thời gian thanh tra thuế thường là không quá 30 ngày, kiểm tra thường không quá 5 ngày làm việc thực tế.

Như vậy, giữa thanh tra thuế và kiểm tra thuế tuy có sự phân biệt nhưng chỉ là tương đối. Khi tiến hành một cuộc thanh tra thuế, thường phải tiến hành nhiều thao tác nghiệp vụ đó thực chất là kiểm tra thuế. Ngược lại, đôi khi tiến hành kiểm tra thuế để làm rõ vụ việc, lại lựa chọn được nội dung thanh tra thuế. Kiểm tra thuế và thanh tra thuế là hai khái niệm khác nhau nhưng có liên hệ qua lại, gắn bó với nhau. Do vậy, khi nói đến một khái niệm người ta thường nhắc đến cả cặp với tên gọi là thanh tra, kiểm tra thuế hay kiểm tra, thanh tra thuế.

1.1.2. Đặc điểm, vai trò, mục tiêu của thanh tra, kiểm tra thuế

1.1.2.1. Đặc điểm của thanh tra, kiểm tra thuế

- Phạm vi điều chỉnh của thanh tra, kiểm tra thuế là khá rộng; đối tượng thanh tra, kiểm tra thuế rất đa dạng, trên mọi lĩnh vực của nền kinh tế.

- Thanh tra, kiểm tra thuế là công tác rất khó khăn, phức tạp vì ảnh hưởng đến lợi ích kinh tế của các đối tượng thanh tra, kiểm tra thuế. Các ĐTNT thường xuyên tìm mọi biện pháp nhằm tránh, lách và trốn thuế, gây khó khăn cho công tác thanh tra, kiểm tra thuế.

- Công tác thanh tra, kiểm tra thuế đòi hỏi cao về năng lực chuyên môn và phẩm chất đạo đức của người cán bộ thuế.

1.1.2.2. Vai trò của thanh tra, kiểm tra thuế

- Thanh tra, kiểm tra thuế là phương tiện phòng ngừa hành vi vi phạm pháp luật và tội phạm nảy sinh trong hoạt động quản lý thuế.

Với tư cách là công cụ thực hiện chức năng quản lý Nhà nước, thanh tra, kiểm tra thuế chính là việc xem xét tại chỗ việc làm của các tổ chức, cơ quan và các cá nhân có đúng quy định của chính sách, pháp luật về thuế hay không? Qua đó sử dụng các biện pháp chế tài bằng mệnh lệnh hoặc các quyết định hành chính nhằm ngăn ngừa hành vi vi phạm pháp luật của ĐTNT.

Thực tế cho thấy không có hệ thống pháp luật nào có thể đảm bảo là không có khiếm khuyết. Đây chính là nguyên nhân để các đối tượng lợi dụng, cố tình lách luật để trục lợi cá nhân. Thông qua thanh tra, kiểm tra thuế mà các hành vi tham nhũng, tiêu cực được phát hiện để ngăn chặn kịp thời.

- Thanh tra, kiểm tra thuế góp phần hoàn thiện cơ chế chính sách pháp luật về thuế.

Hệ thống thuế ở nước ta hiện nay bao gồm nhiều sắc thuế khác nhau. Mỗi sắc thuế điều tiết đến một số đối tượng xã hội nhất định và có những phương pháp quản lý thu khác nhau. Về cơ bản mỗi sắc thuế khi được ban hành đều đã được nghiên cứu kỹ và chuẩn bị chu đáo nhưng do đặc điểm nền kinh tế nước ta đang ở thời kỳ chuyển đổi từ hành chính, quan liêu, bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nên không tránh khỏi

những khiếm khuyết, bất cập. Chính vì vậy thanh tra, kiểm tra thuế là nơi cung cấp các căn cứ, các bằng chứng cụ thể phản ánh một cách chân thực, sống động các hoạt động diễn ra trong thực tế, để phục vụ cho việc hoàn thiện, bổ sung các chính sách cho phù hợp.

- Thanh tra, kiểm tra thuế có vai trò quan trọng trong việc cải cách thủ tục hành chính cả về quy chế và tổ chức thực hiện. Thông qua hoạt động kiểm tra, thanh tra thuế giúp giảm đến mức tối đa các thủ tục, quy chế không cần thiết gây phiền hà đến nhân dân và doanh nghiệp.

1.1.2.3. Mục tiêu của thanh tra, kiểm tra thuế

Hoạt động thanh tra, kiểm tra thuế nhằm vào các mục tiêu sau:

- Bảo vệ lợi ích của nhà nước, quyền và các lợi ích hợp pháp của các tổ chức và cá nhân khi thực hiện chính sách pháp luật về thuế.

- Phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thuế.

- Thực hiện cải cách hành chính trong lĩnh vực thuế, phát hiện những hạn chế chưa đồng bộ về cơ chế quản lý và chính sách thuế để kiến nghị cơ quan có thẩm quyền kịp thời sửa đổi, bổ sung.

- Động viên, khen thưởng để phát huy nhân tố tích cực, đồng thời tăng cường chấn áp và xử lý nghiêm những hành vi tiêu cực trong việc thực hiện pháp luật thuế.

1.1.3. Nguyên tắc của thanh tra, kiểm tra thuế

1.1.3.1. Nguyên tắc tuân thủ các quy định của pháp luật

Thanh tra, kiểm tra thuế là hoạt động giám sát việc tuân thủ pháp luật của các ĐTNT. Do vậy, mọi hoạt động thanh tra, kiểm tra thuế đều phải tuân thủ các quy định của pháp luật. Nguyên tắc này được thể hiện ở chỗ.

- Khi tiến hành thanh tra, kiểm tra tại trụ sở ĐTNN phải có quyết định thanh tra, kiểm tra do người có thẩm quyền ban hành.

- Trong quá trình thanh tra, kiểm tra thuế các thanh tra viên cần thực hiện độc lập và nghiêm túc các quyền trong phạm vi pháp luật cho phép.

1.1.3.2. Nguyên tắc đảm bảo chính xác, khách quan, công khai, dân chủ, kịp thời khi thanh tra kiểm tra

- Tính chính xác, khách quan nhằm để đảm bảo đánh giá đúng thực trạng, tình hình của ĐTNN được thanh tra, kiểm tra; phản ánh đúng sự thật, không thiên vị hoặc bóp méo sự việc, giúp cho việc xử lý các sai phạm đúng người, đúng việc, đúng pháp luật.

- Tính công khai thể hiện ở việc phải thông báo đầy đủ nội dung thanh tra, tiếp xúc công khai với đối tượng thanh tra và người có liên quan ở nơi thanh tra và tùy theo tính chất từng vụ việc mà có thể công khai kết luận thanh tra.

- Tính dân chủ, kịp thời nhằm tránh biểu hiện chủ quan, áp đặt, bất chấp ý kiến của người khác, đồng thời giúp cơ quan quản lý nhà nước xử lý kịp thời những phát hiện qua thanh tra, kiểm tra thuế.

1.1.3.3. Nguyên tắc tuân thủ đúng quy trình, kế hoạch, nội dung đề cương được duyệt

Quy trình thanh tra, kiểm tra thuế nhằm chuẩn hoá các nội dung, bước công việc cũng như trách nhiệm của từng bộ phận, cán bộ thuế khi tham gia quy trình.

Do vậy, việc tuân thủ đúng quy trình, quy phạm do ngành thuế đã ban hành là một nguyên tắc bắt buộc khi thanh tra, kiểm tra thuế.

1.1.3.4. Thực hiện trên cơ sở phân tích thông tin, dữ liệu liên quan đến NNT

Thực hiện trên cơ sở phân tích thông tin, dữ liệu liên quan đến NNT, đánh giá việc chấp hành pháp luật của NNT, xác minh và thu thập chứng cứ để xác định hành vi vi phạm pháp luật về thuế.

1.1.3.5. Nguyên tắc đảm bảo bí mật và không cản trở hoạt động bình thường của ĐTNN

Cán bộ thanh tra, kiểm tra thuế là những người thường xuyên tiếp cận với nhiều vấn đề, nhiều tài liệu bí mật, bí quyết kinh doanh của ĐTNN hay bí

mật quốc gia. Nếu những thông tin này bị lộ thì sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới lợi ích của ĐTNN, của quốc gia. Do vậy, cán bộ thanh tra, kiểm tra thuế chỉ được báo cáo cho những người có thẩm quyền biết và phải đảm bảo tính bí mật đối với những thông tin quan trọng trong quá trình thanh tra, kiểm tra.

Cán bộ thanh tra, kiểm tra thuế khi làm việc tại trụ sở NNT phải tuân thủ theo đúng quy trình thanh tra, kiểm tra và các quy định khác có liên quan, không gây phiền hà, sách nhiễu, không cản trở đến hoạt động bình thường của ĐTNN.

1.1.4. Các hình thức thanh tra, kiểm tra thuế

1.1.4.1. Theo tính kế hoạch

Nếu xét theo tính kế hoạch, hoạt động thanh tra, kiểm tra thuế có hai hình thức là thanh tra, kiểm tra theo chương trình, kế hoạch đã được duyệt và thanh tra, kiểm tra đột xuất.

- Thanh tra, kiểm tra theo chương trình, kế hoạch đã được duyệt: Căn cứ vào nguồn lực hiện có, tình hình chấp hành pháp luật thuế trên địa bàn và mục tiêu quản lý thuế, CQT xây dựng kế hoạch thanh tra và trình cấp thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra, thanh tra thuế được phê duyệt.

- Thanh tra, kiểm tra đột xuất: Được tiến hành khi CQT phát hiện ĐTNN có dấu hiệu vi phạm pháp luật thuế, theo yêu cầu của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao.

1.1.4.2. Theo nội dung và phạm vi thanh tra, kiểm tra thuế

Nếu xét theo nội dung và phạm vi thanh tra, kiểm tra thuế, hoạt động thanh tra, kiểm tra thuế có hai hình thức là thanh tra, kiểm tra toàn diện và thanh tra, kiểm tra hạn chế:

- Thanh tra, kiểm tra toàn diện: Là loại hình thanh tra, kiểm tra tổng hợp, toàn diện tình hình tuân thủ pháp luật thuế của ĐTNN.

Thanh tra, kiểm tra toàn diện là hình thức thanh tra, kiểm tra được tiến hành một cách đồng bộ đối với tất cả các sắc thuế: thuế thu nhập doanh

nghiệp (TNDN), thuế giá trị gia tăng (GTGT), thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) và các loại thuế khác trong kỳ kê khai thuế.

Thanh tra, kiểm tra toàn diện thường chỉ được thực hiện đối với một hoặc hai kỳ kê khai thuế gần nhất trừ trường hợp phát hiện NNT có dấu hiệu không tuân thủ có giá trị trọng yếu. Các cán bộ thanh tra, kiểm tra cần áp dụng kỹ thuật chọn mẫu và mức độ công việc thanh tra, kiểm tra; số các kỳ tài chính cần thanh tra, kiểm tra sẽ được mở rộng khi các phát hiện của đội thanh tra, kiểm tra yêu cầu phải mở rộng phạm vi thanh tra, kiểm tra. CQT cần dự tính nguồn lực cũng như chi phí để thực hiện thanh tra, kiểm tra toàn diện trong quá trình lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra hằng năm.

- Thanh tra, kiểm tra hạn chế: Là thanh tra, kiểm tra trong một phạm vi hẹp, gồm:

+ Thanh tra, kiểm tra một sắc thuế (GTGT, TNDN, TTĐB,...); một hoặc một số kỳ tính thuế.

+ Thanh tra, kiểm tra một hoặc một số bộ hồ sơ hoàn thuế;

+ Thanh tra, kiểm tra một hoặc một số yếu tố liên quan đến một hoặc một số kỳ tính thuế; thanh tra, kiểm tra doanh thu tính thuế, giá vốn hàng bán, khấu hao, tiền lương, tài sản ròng...

1.1.4.3. Theo địa điểm tiến hành thanh tra, kiểm tra thuế

Nếu xét theo địa điểm tiến hành thanh tra, kiểm tra thuế, hoạt động thanh tra, kiểm tra thuế có hai hình thức là thanh tra, kiểm tra tại trụ sở CQT (thanh tra, kiểm tra tại bàn) và thanh tra, kiểm tra tại trụ sở NNT:

- Thanh tra, kiểm tra tại trụ sở CQT (thanh tra, kiểm tra tại bàn): Là công việc thường xuyên của các cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra thuế nhằm đánh giá tính đầy đủ, chính xác của các thông tin, chứng từ trong hồ sơ khai thuế, sự tuân thủ pháp luật về thuế của NNT.

+ Thanh tra tại trụ sở CQT: Là việc phân tích các thông tin về NNT (hồ sơ khai thuế, hồ sơ hoàn thuế, hồ sơ quyết toán thuế, BCTC...) nhằm đánh giá tình hình tuân thủ pháp luật thuế của NNT (dựa trên hệ thống tiêu chí xác định rủi ro và thang điểm từng tiêu chí) để lựa chọn đối tượng lập kế hoạch thanh tra.

+ Kiểm tra thuế tại trụ sở NNT: Là việc thực hiện đối chiếu, so sánh nội dung trong hồ sơ thuế với các thông tin, tài liệu có liên quan, các quy định của pháp luật về thuế. Trường hợp hồ sơ thuế có nội dung cần làm rõ liên quan đến số tiền thuế phải nộp, số tiền thuế được miễn, số tiền thuế được giảm, số tiền thuế được hoàn thì CQT thông báo yêu cầu NNT giải trình hoặc bổ sung thông tin tài liệu. Trường hợp NNT đã giải trình và bổ sung thông tin, tài liệu chứng minh số thuế đã khai là đúng thì hồ sơ thuế được chấp nhận; nếu sau giải trình và bổ sung hồ sơ mà không đủ căn cứ chứng minh số thuế đã khai là đúng thì CQT yêu cầu NNT khai bổ sung.

- Thanh tra, kiểm tra tại trụ sở của NNT:

+ Thanh tra tại trụ sở của NNT: CQT thực hiện thanh tra tại trụ sở NNT đối với các trường hợp doanh nghiệp có ngành nghề kinh doanh đa dạng, phạm vi kinh doanh rộng (thanh tra định kỳ một năm không quá một lần); khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật về thuế; giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc theo yêu cầu của thủ trưởng cơ quan quản lý thuế các cấp hoặc Bộ Tài chính.

+ Kiểm tra tại trụ sở của NNT: CQT thực hiện kiểm tra tại trụ sở NNT trong trường hợp hết thời hạn theo thông báo của CQT mà NNT không giải trình, bổ sung thông tin tài liệu hoặc không khai bổ sung hồ sơ thuế hoặc giải trình, khai bổ sung hồ sơ thuế không đúng.

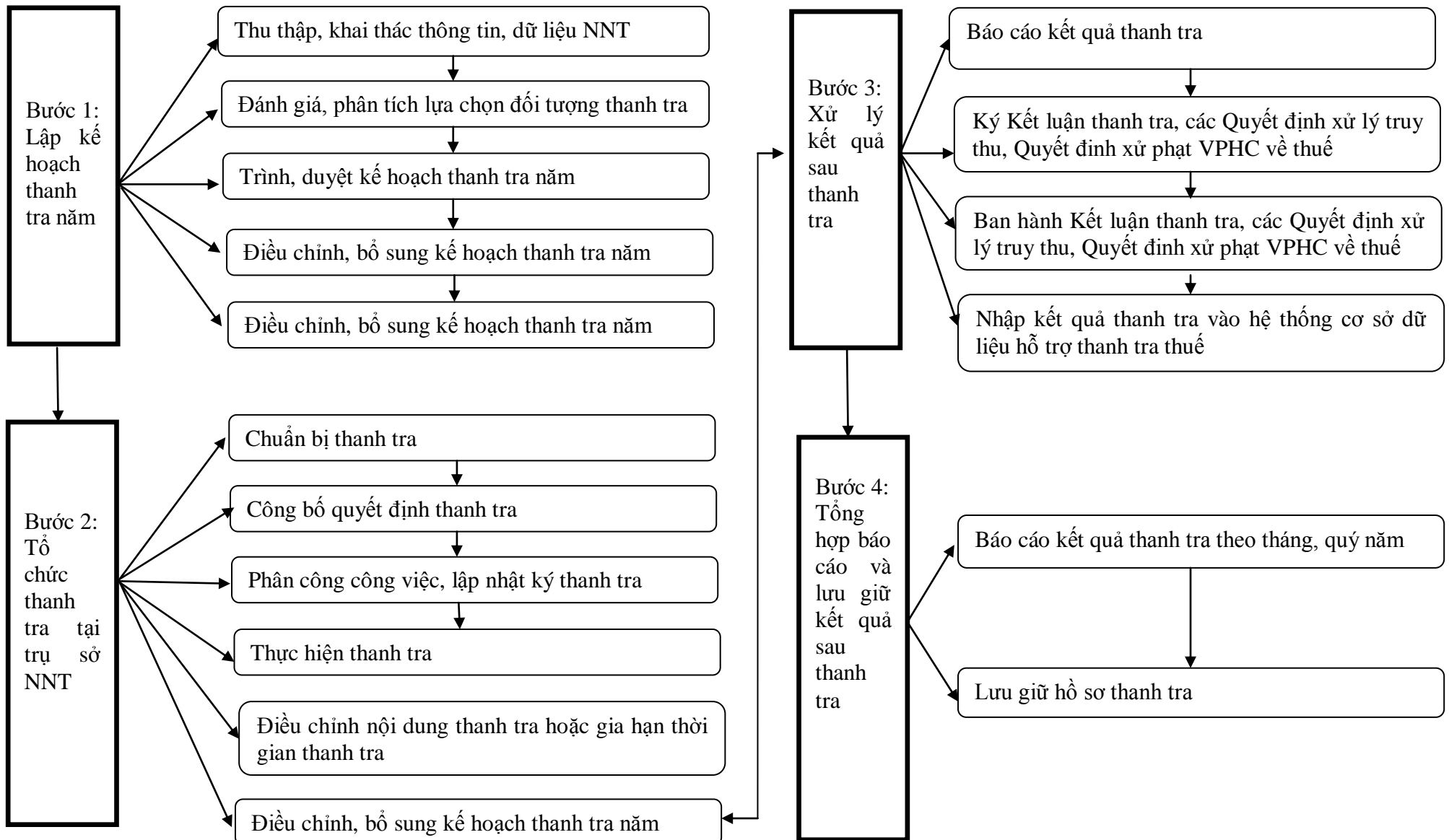
1.1.5. Quy trình thanh tra, kiểm tra thuế

1.1.5.1. Quy trình thanh tra thuế

Quy trình thanh tra thuế được ban hành theo Quyết định số 460/QĐ-TCT ngày 05 tháng 5 năm 2009 của Tổng cục trưởng Tổng cục thuế, với mục đích tạo sự thống nhất trong việc thực hiện công tác thanh tra trong toàn ngành thuế, qua đó nhằm phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các tổ chức, Số hóa bởi Trung tâm Học liệu

cá nhân có hành vi gian lận, trốn thuế; nâng cao việc quản lý cán bộ thanh tra thuế trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao làm cơ sở đánh giá phân loại cán bộ thanh tra; thực hiện cải cách thủ tục hành chính và hiện đại hoá công tác thanh tra thuế góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế.

Nội dung của Quy trình thanh tra thuế được thể hiện và trình bày vắn tắt qua sơ đồ sau:



Số hóa bởi Trung tâm Học liệu

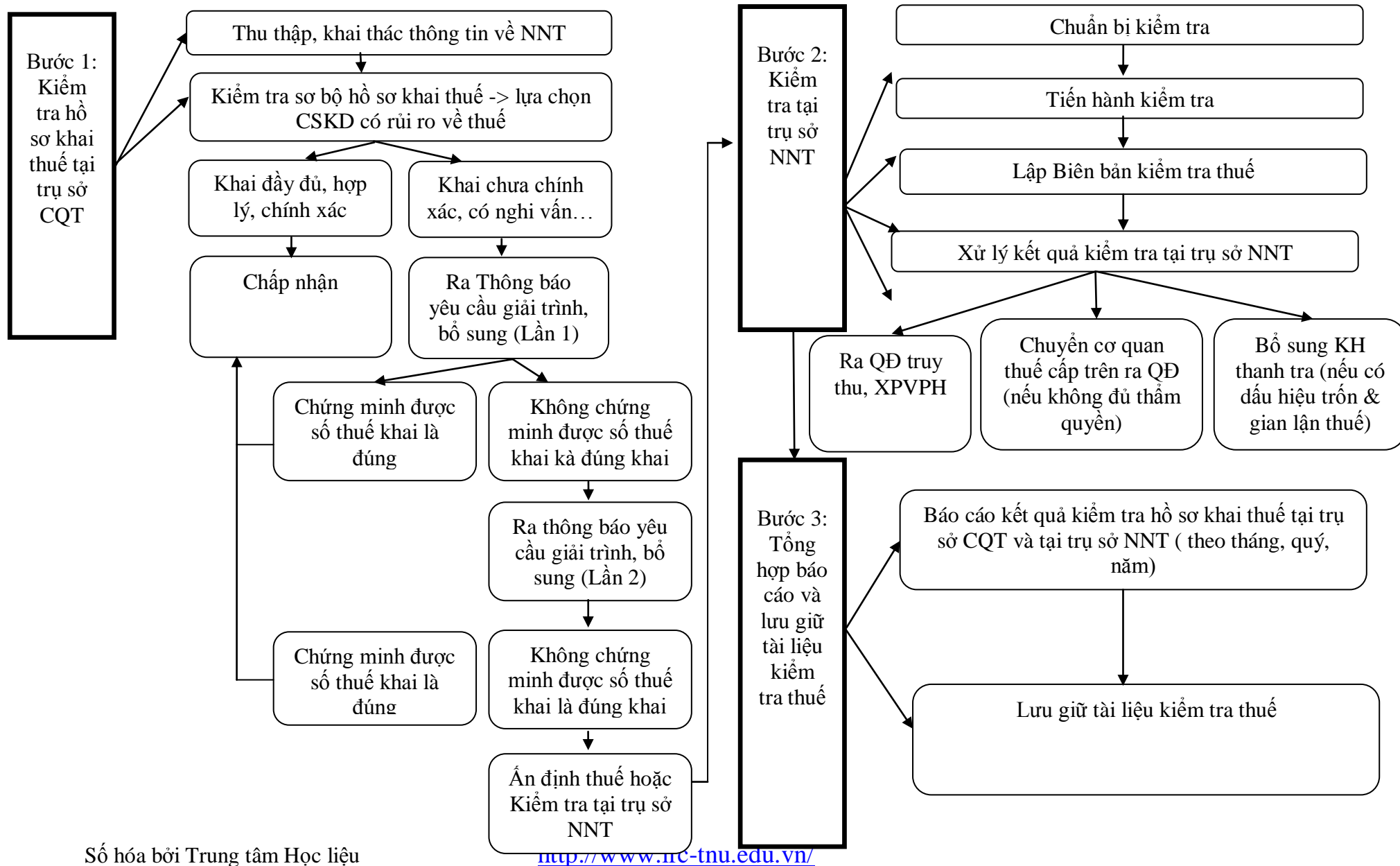
<http://www.lrc-tnu.edu.vn/>

Sơ đồ 1.1: Quy trình thanh tra thuế

1.1.5.2. Quy trình kiểm tra thuế

Quy trình kiểm tra thuế được ban hành theo Quyết định số 528/QĐ-TCT ngày 29 tháng 5 năm 2008 của Tổng cục trưởng Tổng cục thuế, mục đích là để tăng cường kiểm tra, giám sát hồ sơ khai thuế của NNT nhằm chống thất thu thuế qua việc kê khai thuế; ngăn chặn và xử lý kịp thời những vi phạm về thuế; nâng cao tính tự giác tuân thủ pháp luật thuế của NNT trong việc thực hiện kê khai thuế, tính thuế và nộp thuế; thực hiện cải cách hành chính trong việc kiểm tra thuế từ đó tránh gây phiền nhiễu và tạo điều kiện thuận lợi cho NNT phát triển sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ.

Nội dung của Quy trình kiểm tra thuế được thể hiện và trình bày vắn tắt qua sơ đồ sau:



Số hóa bởi Trung tâm Học liệu

<http://www.nlc-tnu.edu.vn/>

Sơ đồ 1.2: Quy trình kiểm tra thuế

1.1.6. Kỹ năng thanh tra, kiểm tra thuế

1.1.6.1. Kỹ năng thanh tra, kiểm tra thuế tại trụ sở CQT

Kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở CQT là một trong bốn nội dung quan trọng của quá trình kiểm tra thuế. Nội dung kiểm tra thuế tại trụ sở CQT chủ yếu căn cứ vào hồ sơ khai thuế và các nguồn thông tin khác như hệ thống dữ liệu thông tin về NNT, lịch sử tuân thủ pháp luật thuế của doanh nghiệp... Theo đó, vận dụng các kiến thức về các chế độ kế toán, cơ chế tài chính, pháp luật thuế và sử dụng phương pháp đối chiếu, so sánh, phân tích để nhận dạng các dấu hiệu rủi ro, xác định các sai phạm chủ yếu trên hồ sơ khai thuế; làm cơ sở cho việc tiếp tục yêu cầu doanh nghiệp giải trình để tiến hành phân tích khẳng định sai phạm hoặc xác định trọng tâm các nội dung kiểm tra có giới hạn tại trụ sở NNT.

Các bước tiến hành kiểm tra hồ sơ khai thuế tại CQT:

- Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu, thông tin phục vụ cho công tác kiểm tra, bao gồm:

- + Thông tin, tài liệu của doanh nghiệp tại thời điểm kiểm tra.
- + Thông tin, tài liệu lịch sử của doanh nghiệp.
- + Tổng hợp, xử lý thông tin (bằng các chương trình, mẫu biểu) phục vụ cho công tác kiểm tra.

- Bước 2: Nhận dạng rủi ro trên hồ sơ khai thuế cần tập trung kiểm tra.

Căn cứ hồ sơ, tài liệu và các biểu tổng hợp xử lý các thông tin; sử dụng phương pháp so sánh, đối chiếu các chỉ tiêu, số liệu tính toán để nhận dạng rủi ro phát sinh trên hồ sơ khai thuế cần tập trung kiểm tra.

- Bước 3: Xác định các sai phạm chủ yếu trên hồ sơ khai thuế.

Dấu hiệu rủi ro là cơ sở để kiểm tra phát hiện các sai phạm trên hồ sơ khai thuế. Từ dấu hiệu rủi ro cần tập trung kiểm tra các tài khoản, các nội dung kinh tế phát sinh có liên quan để kiểm tra xác định nội dung sai phạm cụ thể.

- Bước 4: Áp dụng các kỹ năng và phương pháp kiểm tra phát hiện sai phạm.

Kỹ năng và phương pháp kiểm tra phát hiện sai phạm từ hồ sơ khai thuế cho phép cán bộ thuế có thể phát hiện các sai phạm ngay khi kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở CQT mà không phải đến tận doanh nghiệp kiểm tra. Các phương pháp thường được áp dụng để kiểm tra hồ sơ khai thuế là:

- + Phương pháp so sánh.
- + Phương pháp cân đối.
- + Phương pháp phân tích các nhân tố ảnh hưởng.
- + Phương pháp phân tích tỷ suất.
- + Phương pháp phân tích sự khác biệt giữa chế độ kế toán và chính sách thuế.

1.1.6.2. Kỹ năng thanh tra, kiểm tra tại trụ sở NNT

- Bước 1: Yêu cầu NNT cung cấp thông tin trước khi tiến hành thanh tra, kiểm tra tại cơ sở sản xuất kinh doanh.

Để tiến hành thanh tra, kiểm tra tại trụ sở NNT, cán bộ thanh tra phải nghiên cứu hồ sơ khai thuế trên cơ sở hệ thống thông tin NNT để tiến hành đánh giá các biến động, phân tích dọc, phân tích ngang, phân tích các chỉ số xác định rủi ro...đây là bước đầu tiên quan trọng nhằm đưa ra quyết định có thanh tra, kiểm tra tại cơ sở hay không. Nếu tiến hành thanh tra, kiểm tra thì cần tập trung vào thời kỳ thanh tra nào, nội dung gì.

Tuy nhiên khi quyết định thanh tra, kiểm tra tại cơ sở, cán bộ thuế cần thu thập nhiều thông tin chi tiết hơn nữa liên quan đến kỳ thanh tra, nội dung thanh tra. Kinh nghiệm cho thấy càng nắm bắt nhiều thông tin, các thông tin càng cụ thể thì hiệu quả thanh tra, kiểm tra càng cao. Do vậy cần phải yêu cầu NNT cung cấp thông tin trước khi tiến hành thanh tra, kiểm tra tại cơ sở sản xuất kinh doanh.

- Bước 2: Tiếp xúc ban đầu với NNT được thanh tra, kiểm tra.

Các nội dung cần thực hiện là:

- Thông báo nội dung thanh tra, kiểm tra; giới thiệu các thành viên trong đoàn thanh tra, kiểm tra; cách thức tiến hành làm việc; quyền và nghĩa vụ của đoàn thanh tra, kiểm tra; quyền và nghĩa vụ của người được thanh tra, kiểm tra...

- Trao đổi với đại diện doanh nghiệp và kế toán để tìm hiểu một số thông tin cũng như nguồn thu thập thông tin để cuộc thanh tra, kiểm tra đạt được hiệu quả.

- Bước 3: Tiến hành tham quan tại cơ sở sản xuất kinh doanh.

Tổ chức tham quan tại cơ sở sản xuất kinh doanh cho phép cán bộ thanh tra, kiểm tra thấy được quy mô sản xuất kinh doanh, hệ thống tài sản, nhà xưởng, kho hàng, quy trình sản xuất kinh doanh, hệ thống kiểm soát nội bộ... của doanh nghiệp, từ đó có cơ sở để đối chiếu với các thông tin đã thu thập được từ các bước trước, đồng thời thu thập các thông tin bổ sung để đánh giá rủi ro có hữu của doanh nghiệp.

- Bước 4: Kỹ thuật thanh tra, kiểm tra tại cơ sở kinh doanh

Sau khi thu thập đủ các thông tin trên cơ sở thực hiện các bước kiểm tra tại bàn, yêu cầu doanh nghiệp báo cáo bằng văn bản, trao đổi và tham quan tại cơ sở sản xuất kinh doanh, cán bộ thanh tra, kiểm tra xác định tính hiện hữu, tình phù hợp, tính phát sinh, tính đầy đủ và mức độ rủi ro cũng như nội dung cần tập trung thanh tra, kiểm tra để tiến hành kiểm tra xem xét sổ sách báo cáo của doanh nghiệp. Các kỹ thuật thường được sử dụng là:

Thực hiện truy lần số liệu trên sổ sách, chứng từ kế toán: Có hai cách để truy lần số liệu, đó là thực hiện kiểm tra ngược số liệu từ báo cáo tổng hợp đến chứng từ gốc hoặc thực hiện kiểm tra xuôi theo đúng trình tự hạch toán, bắt đầu từ chứng từ gốc đến báo cáo tổng hợp.

Thu thập bằng chứng thanh tra, kiểm tra: Bằng chứng thanh tra, kiểm tra được hình thành dưới một số dạng như dạng văn bản, dạng nói miệng,

dạng trực quan. Bằng chứng thanh tra có thể do cán bộ thanh tra, kiểm tra tạo ra; ĐTNT cung cấp hay do bên thứ 3 cung cấp.

Kỹ thuật chọn mẫu trong thanh tra, kiểm tra thuế:

Trong một cuộc thanh tra, kiểm tra có rất nhiều chứng từ gốc nên việc chọn mẫu là một kỹ thuật hỗ trợ cán bộ thanh tra, kiểm tra.

- Việc chọn mẫu được thực hiện theo nhóm hoặc chọn mẫu một cách ngẫu nhiên và cuối cùng là áp dụng việc chọn mẫu theo phân tầng.

- Sau khi hoàn thành việc chọn mẫu, cán bộ thanh tra, kiểm tra sẽ phân tích các sai sót. Tùy theo mức độ cán bộ thanh tra, kiểm tra có thể mở rộng phạm vi chọn mẫu hoặc tiến hành kiểm tra số liệu chi tiết luôn.

- Bước 5: Thông qua kết quả kiểm thanh tra, kiểm tra và lập báo cáo thanh tra, kiểm tra:

Kết thúc thanh tra, kiểm tra trưởng đoàn căn cứ vào kết quả thanh tra, kiểm tra của các thành viên để tiến hành tổng hợp kết quả thanh tra, kiểm tra chung; lập báo cáo thanh tra, kiểm tra theo quy định.

1.2. Cơ sở thực tiễn của công tác thanh tra, kiểm tra thuế

1.2.1. Kinh nghiệm thanh tra, kiểm tra thuế ở một số nước trên thế giới

1.2.1.1. Kinh nghiệm thanh tra, kiểm tra thuế ở Malaysia

Tại Malaysia, tổ chức trung tâm thanh tra - điều tra thuế được phân bố theo vùng. Các trung tâm không chỉ dừng lại theo chức năng kiểm tra thuế thông thường mà chủ yếu tập trung vào công tác điều tra phát hiện và xử lý các trường hợp trốn lậu thuế có tính chất nghiêm trọng, truy thu thuế vào NSNN. Trung tâm điều tra - thanh tra có nhiệm vụ:

- Tổ chức, thu thập các thông tin từ nội bộ ngành thuế, người tố giác, người khai báo, báo chí... để phát hiện các trường hợp, các khả năng trốn thuế.

- Tổ chức công tác điều tra nghiệp vụ trên cơ sở phối hợp trên toàn quốc hoặc quy mô quốc tế.

- Tổ chức lưu giữ tài liệu, bằng chứng liên quan đến hành vi trốn thuế.

- Tổ chức việc kiểm tra, đối chứng để quy phạm hành vi trốn thuế.
- Khởi tố, truy tố, phạt hành chính, kiến nghị phạt hình sự đối với các hành vi trốn thuế.
- Bắt giữ tài sản, phong toả tài sản, truy thu cho ngân sách.

1.2.1.2. Kinh nghiệm thanh tra, kiểm tra thuế ở Indonesia

Thanh tra, điều tra thuế là một chức năng cơ bản của CQT Indonesia, nó giữ vai trò quan trọng để đảm bảo quá trình áp dụng thành công cơ chế tự tính, tự khai nộp thuế. Công tác thanh tra, chính sách thanh tra được quy định bởi Cục thanh tra và điều tra thuộc Tổng cục thuế, chỉ được thực hiện sau khi đã thu thập các thông tin và xử lý các dữ liệu về ĐTNT để đánh giá mức độ tuân thủ nghĩa vụ thi hành về thuế và sự thi hành của các quy định về thuế. Công tác thanh tra thuế được thực hiện trên nguyên tắc: ĐTNT không bao giờ bị thanh tra lại trong cùng 01 năm. Nhằm tránh việc thanh tra nhiều lần đối với ĐTNT trong cùng năm thì cần phải tiến hành thanh tra đối với mọi loại thuế cùng một lúc. Trường hợp trong năm phải tiến hành thanh tra quá một lần chỉ khi có các lý do như: ĐTNT có hành vi phạm tội hình sự, có chứng cứ mới hoặc chứng cứ chưa bộc lộ có thể làm tăng số thuế phải nộp hoặc có lý do theo chỉ thị của Tổng cục trưởng cục thuế.

Hoạt động thanh tra được tiến hành bởi đội thanh tra trong đó luôn có 01 giám sát viên, 01 đội trưởng và 01 hoặc một số thành viên tùy theo nhiệm vụ công tác. Thời gian thanh tra tại cơ sở kinh doanh là 02 tháng và có thể kéo dài 08 tháng nếu được Tổng cục trưởng cục thuế cho phép, thanh tra tại trụ sở CQT thì thời gian là 01 tháng, có thể kéo dài 02 tháng.

1.2.1.3. Kinh nghiệm thanh tra, kiểm tra thuế ở Hàn Quốc

Tại Hàn Quốc công tác quản lý thuế được giao cho Cơ quan dịch vụ thuế quốc gia (Tổng cục thuế) Hàn Quốc trực thuộc Bộ tài chính với cơ cấu quản lý thuế của Hàn Quốc bao gồm 3 cấp:

Số hóa bởi Trung tâm Học liệu

<http://www.lrc-tnu.edu.vn/>

- Cấp 1: Các vụ và các phòng chịu sự quản lý trực tiếp của CQT vụ quốc gia.

- Cấp 2: CQT vùng dưới sự giám sát của cơ quan dịch vụ thuế quốc gia có trách nhiệm trực tiếp xử lý tính thuế đối với một số ĐTNT trong những trường hợp đặc biệt, hướng dẫn và quản lý toàn bộ các hoạt động của CQT quận huyện.

- Cấp 3: CQT quận huyện.

Công tác thanh tra thuế được xây dựng xuyên suốt từ Tổng cục thuế đến các CQT quận huyện. Tại CQT vùng đã xây dựng các phòng kiểm tra, thanh tra với chức năng chuyên biệt như sau:

- Phòng thanh tra và quản lý chịu trách nhiệm về kế hoạch thanh tra, thu thập, xử lý các phản tích những thông tin liên quan đến việc trốn thuế.

- Phòng các cán bộ thanh tra chịu trách nhiệm tiến hành thanh tra và xác định thuế.

- Phòng các cán bộ thanh tra đặc biệt chịu trách nhiệm về phân tích những thông tin liên quan đến việc trốn thuế và điều tra tội phạm.

Ở Hàn Quốc hệ thống tự tính tự nộp thuế đã áp dụng đối với hầu hết các loại thuế. Mỗi ĐTNT phải tự nộp tờ khai thuế và trả đủ số thuế đó một cách tự nguyện thì được coi là trung thực nên chính sách cơ bản của Công tác thanh tra ở Hàn Quốc là thanh tra những đối tượng thuế không trung thực thực hiện trên nguyên tắc không thanh tra hai lần đối với ĐTNT về cùng một loại thuế của cùng năm tính thuế. Nếu kiểm tra lại đối với cùng ĐTNT bằng cách thay đổi loại thuế trong phạm vi của năm mà ngày kết thúc cuộc thanh tra trước cũng thuộc năm đó cũng bị coi là vi phạm .

1.2.1.4. Kinh nghiệm thanh tra, kiểm tra thuế ở Anh

Khi chuyển sang cơ chế tự khai tự nộp, Luật quy định trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn CQT được quyền kiểm tra bất kỳ một ĐTNT nào mà không cần phải nêu lý do. CQT phải tiến hành bắt đầu việc thanh tra trong

vòng 12 tháng kể từ ngày hết hạn nộp tờ khai. Sau 12 tháng, CQT chỉ thanh tra khi có thông tin từ các nguồn khác về việc cần phải tiến hành thanh tra. Khi nhận được thông báo thanh tra doanh nghiệp không có quyền từ chối thanh tra và phải cung cấp sổ sách tài liệu và trả lời các câu hỏi có liên quan. CQT không được xuống doanh nghiệp, yêu cầu doanh nghiệp cung cấp sổ sách tài liệu kế toán mà doanh nghiệp phải có trách nhiệm gửi sổ sách tài liệu lên CQT và đến CQT giải trình khi có thông báo của CQT đến làm việc liên quan tới nội dung thanh tra. Khi doanh nghiệp thấy việc thanh tra kéo dài hoặc gây phiền hà cho doanh nghiệp thì có quyền đề nghị Ủy ban giải quyết khiếu nại xem xét dừng cuộc thanh tra. Khi xem xét nếu thấy đề nghị của doanh nghiệp là hợp lý Ủy ban giải quyết khiếu nại quyết định trong vòng 30 ngày sau CQT phải kết thúc thanh tra.

1.2.1.5. Kinh nghiệm thanh tra, kiểm tra thuế ở Mỹ

Hệ thống thuế Mỹ chia thành hai cấp độ là thuế liên bang (thuế trung ương) và thuế bang (thuế địa phương). Chính sách thuế cũng như quản lý thuế liên bang và thuế bang hoàn toàn độc lập, tách biệt. Chính sách thuế liên bang do Quốc hội ban hành. Cục thu nội địa Mỹ chịu trách nhiệm thực thi trong toàn nước Mỹ. Là một cơ quan độc lập trực thuộc Bộ Ngân Khố Mỹ chịu trách nhiệm quản lý các sắc thuế liên bang. Trong công tác quản lý thuế, Cục thu nội địa Mỹ có mục tiêu "Lấy ĐTNТ là trung tâm". Công tác thanh tra kiểm tra của Cục thu nội địa được chia làm nhiều cấp độ, trong đó chú trọng tới việc nghiên cứu mô hình, nghiên cứu xu hướng phát triển các ngành công nghiệp cũng như xu hướng gia tăng của ĐTNТ để lựa chọn công tác thanh tra kiểm tra. Để tiến hành công tác thanh tra kiểm tra có kết quả hàng năm Cục nội địa thực hiện công tác đánh giá rủi ro để lựa chọn đối tượng được thanh tra, kiểm tra. Đây là bước tất yếu cần phải thực hiện để tiến hành công tác thanh tra, kiểm tra và dựa trên các tiêu chí:

- Tiêu chí 1: Đảm bảo tính công bằng.

- Tiêu chí 2: Tính điểm DIF là hệ thống tính điểm dựa trên phương pháp phân tích thống kê sử dụng nhiều biến số có liên quan đến nhau (ví dụ: thu nhập, quy mô tài sản, và một số đặc tính của tờ khai) để ra các kết quả logic là số thuế phải nộp sẽ dao động trong khoảng bao nhiêu.

- Tiêu chí 3: Chương trình ưu tiên thanh tra để chú trọng vào thanh tra đối với những đối tượng có nhiều nghi ngờ.

- Tiêu chí 4: Kết quả chương trình nghiên cứu quốc gia sau đó đối chiếu với các thông tin lưu trữ về ĐTNT để từ đó phân tích và phân loại các nghi vấn để ra các quyết định kiểm tra, thanh tra theo nguồn lực cán bộ hiện có.

Chương trình thanh tra kiểm tra: Là chương trình phổ biến nhất và huy động nhiều cán bộ nhất. Công tác thanh tra kiểm tra được thực hiện dưới hai hình thức:

- Thư từ trao đổi: Trong trường hợp vấn đề nghi vấn, cần kiểm tra đơn giản và phạm vi hẹp, có thể đưa ra kết luận trong vài giờ, không cần xem kỹ số sách chứng từ.

- Kiểm tra, thanh tra trực tiếp: Trong trường hợp vấn đề phức tạp, phạm vi kiểm tra rộng, có thể mất vài tuần. Nhằm sử dụng nguồn lực cán bộ có hiệu quả hơn, các cán bộ được huy động kiểm tra, thanh tra trực tiếp phải ở trình độ cao hơn các cán bộ thực hiện kiểm tra qua thư từ trao đổi.

Để hỗ trợ cho công tác thanh tra thuế, tại cục thu nội địa Mỹ còn hình thành ban điều tra hình sự chịu trách nhiệm điều tra các vi phạm về thuế mang tính hình sự, cưỡng chế thuế và điều tra các vụ việc liên quan đến rửa tiền và làm tiền giả, ban cưỡng chế thu nợ về thuế của các ĐTNT.

1.2.2. Kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn triển khai công tác thanh tra, kiểm tra thuế của một số nước trên thế giới

1.2.2.1. Về mô hình tổ chức công tác thanh tra, kiểm tra

Hầu hết các nước đều có hệ thống thanh tra thuế được tổ chức theo hệ thống dọc gắn với mô hình tổ chức CQT (Malaysia, Indonesia, Hàn Quốc,

Nhật Bản, Anh...). Hoạt động thanh tra, kiểm tra thuế được phân cấp theo mô hình tổ chức, chủ yếu được thực hiện ở cấp trung gian (Cục thuế vùng, tỉnh). Tại các quốc gia có tổ chức bộ phận thanh tra cấp trung ương thì chủ yếu là thực hiện công tác chỉ đạo, hỗ trợ thanh tra. Hoạt động thanh tra nội bộ tại một số quốc gia được tách ra khỏi hoạt động thanh tra và được thành lập tại cấp trung ương như Mỹ, Hàn Quốc, Anh, Singapore. Hoạt động thanh tra ĐTNТ được chuyên môn hoá cao. Các phòng thanh tra tại CQT được tổ chức với chức năng chuyên biệt, chỉ thực hiện một giai đoạn của hoạt động thanh tra như: Phòng thanh tra chịu trách nhiệm thu thập, xử lý phân tích rủi ro, lập kế hoạch thanh tra; Phòng Thanh tra thực hiện thanh tra và xác định thuế. Phòng thanh tra đặc biệt chịu trách nhiệm về phân tích ở những thông tin liên quan đến việc trốn thuế và điều tra tội phạm (Hàn Quốc, Anh). Hầu hết các CQT các nước đều có thẩm quyền điều tra trốn thuế và bộ phận điều tra trốn thuế thường được tập trung tại cấp Trung Ương.

1.2.2.2. Về công tác tuyển chọn và đào tạo cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra

Các nước đều có yêu cầu cao đối với việc tuyển chọn thanh tra viên. Người được tuyển chọn thường phải đào tạo qua Đại học. Riêng Anh yêu cầu phải có 2 bằng đại học (1 bằng đại học Kinh tế hoặc đại học Thuế và 1 bằng đại học Luật). Những tiêu chuẩn cơ bản thanh tra viên cần phải có gồm:

- Có kiến thức chuyên sâu về thuế.
- Có kiến thức về kế toán theo chuẩn mực trong nước và quốc tế và mối liên kết giữa các yêu cầu về kế toán tài chính và kế toán cho mục đích thuế.
- Có kỹ năng thanh tra, phân tích kinh tế.
- Có tính nhạy bén, làm việc độc lập và chịu được áp lực công việc.
- Có kiến thức thành thạo về sử dụng máy tính (bao gồm kiến thức cơ bản về hệ điều hành, mô hình lưu trữ dữ liệu, các ứng dụng cơ sở và ứng dụng chuyên ngành sử dụng cho thanh tra).

- Có khả năng giao tiếp Ngoại ngữ.

Ngoài việc tuyển chọn, các nước còn chú trọng công tác đào tạo và bồi dưỡng viên chức thuế. Nhiều trung tâm được đầu tư hiện đại xếp hạng quốc tế hoặc khu vực như Trung tâm đào tạo của Nhật Bản, Malaysia, Pháp... thanh tra viên khi mới được tuyển dụng đều được dự các khoá bồi dưỡng nghiệp vụ và đào tạo cơ bản.

1.2.2.3. Về công tác xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm

Công tác xây dựng kế hoạch thanh tra hàng năm được tập trung thống nhất theo chỉ đạo cấp trung ương căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ hướng dẫn việc xây dựng kế hoạch thanh tra tập trung vào đối tượng, ngành, nghề nhất định, phê duyệt điều chỉnh tỷ lệ đối tượng thanh tra giữa ngành nghề. Theo kinh nghiệm của CQT Anh thông thường kế hoạch thanh tra thuế được xây dựng theo cơ cấu:

- + 40% do CQT trung ương xây dựng
- + 10% lựa chọn ngẫu nhiên
- + 50% do Cục thuế và Chi cục thuế xây dựng

1.2.2.4. Về kiểm soát chất lượng thanh tra, kiểm tra

Các nước đều xây dựng hệ thống chuẩn mực thanh tra để kiểm soát chất lượng thanh tra. Hệ thống chuẩn mực từng nước có sự khác biệt nhất định nhưng đều bao gồm các nhóm chuẩn mực sau:

- Chuẩn mực 1: Kế hoạch thanh tra
- Chuẩn mực 2: Bằng chứng thanh tra và thu thập bằng chứng thanh tra
- Chuẩn mực 3: Kết luận, kiến nghị thanh tra
- Chuẩn mực 4: Tài liệu làm việc và Báo cáo thanh tra

Theo qui mô và tích chất của từng vụ thanh tra, CQT có thể thành lập các bộ phận riêng chịu trách nhiệm rà soát kết quả thanh tra theo các chuẩn mực trên trước khi ban hành quyết định cuối cùng hoặc có thể đưa vào quy trình thanh tra nội bộ. Ví dụ: Tại Úc, Malaysia và Trung Quốc, các thanh tra

cao cấp hoặc trưởng phòng thanh tra có nhiệm vụ rà soát lại toàn bộ các kết quả thanh tra tại cơ sở có liên quan đến giao dịch quốc tế hoặc các vụ việc lớn trước khi gửi kết quả chính thức cho ĐTNT.

1.2.2.5. Về chiến lược quản lý rủi ro

Các nước đều xây dựng chiến lược quản lý rủi ro theo hướng ưu tiên giải quyết các rủi ro ở mức cao (là những rủi ro không thể chấp nhận được) và giải quyết các rủi ro ở mức thấp tùy theo nguồn lực cho phép (ví dụ: có thể lựa chọn rủi ro ở mức thấp bằng phương pháp ngẫu nhiên để đánh giá khả năng kiểm soát hoặc “tích lũy” các rủi ro này để giải quyết trong tương lai). Phạm vi xem xét, phân tích khi nhận dạng rủi ro bao gồm cả những thông tin được thể hiện ở cấp “vĩ mô” như xu hướng phát triển kinh tế, đặc tính ngành nghề và các tác động của chính sách kinh tế, thương mại và đầu tư.

1.2.2.6. Về ứng dụng công nghệ thông tin trong thanh tra, kiểm tra thuế

Nhóm các nước phát triển có trình độ ứng dụng công nghệ thông tin trong thanh tra thuế cao và tại cấp trung ương thường thành lập bộ phận “Thanh tra máy tính” (Thanh tra tin học, thanh tra thuế bằng máy tính). Thanh tra máy tính được thực hiện thông qua hệ thống ứng dụng tin học hỗ trợ công tác thanh tra và quyền truy cập, khai thác, sử dụng hệ thống dữ liệu của ĐTNT để xác định rõ số liệu thực về sổ sách kế toán và các giao dịch điện tử.

1.2.3. Khả năng vận dụng kinh nghiệm của một số nước trên thế giới vào hoạt động thanh tra, kiểm tra thuế của Việt Nam nói chung và Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc nói riêng

Thanh tra, kiểm tra là một chức năng cơ bản và quan trọng trong công tác quản lý thuế. Kinh nghiệm tổ chức công tác thanh tra, kiểm tra của các nước nêu trên cho thấy: dù mô hình tổ chức và cách thức hoạt động có khác nhau nhưng có những điểm chung:

- Mỗi quốc gia đều hết sức chú trọng tới công tác thanh tra, kiểm tra, đều thận trọng trong việc xem xét xác định mục tiêu, đối tượng thanh tra, kiểm tra.

- Các tiêu chí quan trọng của công tác kiểm tra, thanh tra là gìn giữ luật pháp, hướng tới việc xác định đúng nguyên nhân sai phạm tăng thu cho NSNN.

- Hoạt động kiểm tra, thanh tra được phân loại và phân cấp rõ ràng, đảm bảo khép kín và phát huy được tác dụng của tổ chức thanh tra các cấp.

- Công cụ đắc lực phục vụ công tác kiểm tra, thanh tra là khoa học kỹ thuật, công nghệ hiện đại, đặc biệt chú trọng tới chiến lược phát huy nhân tố con người trong việc tham gia hoạt động thanh tra, kiểm tra.

- Kết luận kiểm tra, thanh tra được thực thi nghiêm túc bởi hệ thống các cơ quan Nhà nước cùng vào cuộc.

Qua nghiên cứu kinh nghiệm tổ chức và cải cách công tác thanh tra thuế tại một số nước trên thế giới, những nội dung có thể vận dụng để thực hiện thành công chương trình cải cách và hiện đại hoá công tác thanh tra thuế ở Việt Nam nói chung và ở Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc nói riêng trong thời gian tới, đó là:

- Xây dựng mô hình tổ chức thanh tra, kiểm tra thuế theo hướng chuyên môn hoá cao. Các tổ chức thanh tra ĐTNT mới được cơ cấu theo hướng chuyên môn sâu, hình thành các bộ phận nhỏ chịu trách nhiệm một hoặc một vài khâu trong quy trình thanh tra, kiểm tra thuế.

- Trao chức năng điều tra tội phạm về thuế cho CQT.

- Chuẩn hoá lực lượng thanh tra, kiểm tra cả về số lượng và chất lượng.

- Xây dựng hệ thống các chỉ tiêu phân tích rủi ro một cách khoa học.

- Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra thuế.

- Áp dụng các chuẩn mực thanh tra, kiểm tra thuế để nâng cao hiệu quả, hiệu lực thanh tra, kiểm tra thuế.

1.3. Một số quan điểm và chính sách của Đảng về công tác thanh tra, kiểm tra thuế

1.3.1. Một số quan điểm của Đảng về công tác thanh tra, kiểm tra thuế

Đảng và Nhà nước ta rất coi trọng công tác thanh tra, kiểm tra - trong đó có thanh tra, kiểm tra thuế. Trải qua các giai đoạn, cùng với việc ban hành các Sắc lệnh, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành Luật và nhiều Chỉ thị, Nghị quyết, Nghị định, Quyết định, Thông tư về công tác thanh tra, kiểm tra thuế. Các văn kiện đó thể hiện rõ nét quan điểm của Đảng và Nhà nước về vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của thanh tra, kiểm tra thuế và trách nhiệm của Ngành thuế các cấp đối với công tác thanh tra, kiểm tra thuế. Có thể tóm tắt một số quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về công tác thanh tra, kiểm tra thuế như sau:

1.3.1.1. Thanh tra, kiểm tra thuế là một phương thức quan trọng để bảo đảm thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước

Bằng những kết luận thanh tra, kiểm tra thuế đánh giá đúng thực trạng việc thực hiện chủ trương, chính sách pháp luật về thuế của các ĐTNN với những nhận xét ưu, khuyết điểm; làm rõ những nguyên nhân và có những kiến nghị sửa chữa, khắc phục những khuyết điểm, thiếu sót mà thanh tra, kiểm tra đã phát hiện và ĐTNN thừa nhận, trong đó có những sơ hở, khiếm khuyết của chủ trương, chính sách, pháp luật, cơ chế quản lý...giúp cho cơ quan Lãnh đạo của Đảng, Nhà nước (Tổng cục Thuế, Bộ Tài chính) không những nắm được tình hình thực hiện chủ trương, chính sách pháp luật...mà còn có sở sở thực tiễn để nghiên cứu, bổ sung, sửa đổi hoàn thiện chủ trương, chính sách pháp luật, cơ chế quản lý...đã ban hành hoặc ban hành chính sách,

cơ chế quản lý mới phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập khu vực và thế giới.

1.3.1.2. Thanh tra, kiểm tra thuế là một trong những nội dung quan trọng của công tác quản lý thuế

Công tác quản lý thuế theo cơ chế tự khai tự nộp hiện nay bao gồm các chức năng sau: Tuyên truyền hỗ trợ ĐTNN; Kế toán và xử lý hồ sơ khai thuế; Thu nợ và cưỡng chế thuế; Thanh tra, kiểm tra thuế. Trong các chức năng trên thì thanh tra, kiểm tra thuế là một trong những nội dung quan trọng nhất, có tính chất quyết định đến hiệu quả của công tác quản lý thuế.

1.3.1.3. Hoạt động thanh tra, kiểm tra thuế phải đảm bảo tính độc lập tương đối, tuân thủ pháp luật và không được cản trở đến hoạt động thanh tra

Thanh tra, kiểm tra thuế là hoạt động nhằm giám sát việc tuân thủ pháp luật của ĐTNN. Do vậy, bản thân hoạt động thanh tra, kiểm tra thuế cũng phải tuân thủ các quy định của pháp luật. Khi tiến hành thanh tra, kiểm tra ĐTNT phải có quyết định thanh tra, kiểm tra do người có thẩm quyền ban hành. Trong quá trình thanh tra, kiểm tra các thanh tra viên cần thực hiện độc lập và nghiêm túc các quyền trong phạm vi pháp luật cho phép và không được cản trở đến hoạt động được thanh tra, kiểm tra.

1.3.1.4. Thanh tra, kiểm tra thuế là một biện pháp quan trọng góp phần tích cực phòng, chống các hành vi vi phạm pháp luật về thuế

Thanh tra, kiểm tra thuế ngày càng được nhìn nhận đầy đủ hơn vai trò của nó trong quá trình hoàn thiện cơ chế chính sách và phát triển bộ máy nhà nước xã hội chủ nghĩa. Nếu như những ngày đầu cách mạng, Đảng ta và Hồ Chủ Tịch mới chỉ nhấn mạnh đến công tác thanh tra, kiểm tra nhằm “giám sát”, “kiểm soát”...coi đó như một sự bảo đảm cho việc thực hiện các đường lối, chủ trương, chính sách pháp luật thuế thì những năm tiếp sau đó, vai trò của thanh tra, kiểm tra thuế còn được thể hiện mạnh mẽ hơn qua việc tham gia, thúc đẩy quá trình phát triển đó. Thanh tra, kiểm tra thuế không chỉ phát hiện ra những vi phạm để xử lý mà còn phát hiện ra những sơ hở của bản thân cơ chế, chính sách, chỉ ra những khuyết tật của bộ máy và quá trình vận hành

bộ máy CQT để sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện hơn cơ chế, chính sách. Thanh tra, kiểm tra thuế còn biểu dương những cái tốt, cái tích cực, những yếu tố mới, những nhân tố điển hình cần nhân rộng phát huy.

1.3.2. Hệ thống các văn bản chính sách về thanh tra, kiểm tra thuế

STT	Tên văn bản	Nội dung quy định về thanh tra, kiểm tra thuế
1	Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006.	Điều 9, Chương I (quy định về Quyền hạn của cơ quan quản lý thuế, trong đó có "Quyền kiểm tra thuế, thanh tra thuế".
2	Quyết định số 76/2007/QĐ-TTg ngày 28/05/2007 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế trực thuộc Bộ Tài chính.	Điểm 10, Điều 2 (quy định Tổng cục Thuế có nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm sau: "Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chính sách pháp luật thuế đối với người nộp thuế, các tổ chức, cá nhân được uỷ nhiệm thu thuế".
3	Quyết định 528/QĐ-TCT ngày 29/05/2008 của Tổng cục thuế về việc ban hành quy trình kiểm tra thuế.	Toàn bộ nội dung văn bản
4	Quyết định 460/QĐ-TCT ngày 05/05/2009 của Tổng cục Thuế về việc ban hành quy trình thanh tra thuế.	Toàn bộ nội dung văn bản
5	Quyết định số 108/QĐ-BTC ngày 14/01/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục thuế trực thuộc Tổng cục Thuế.	Điểm 9, Điều 2 (quy định Cục thuế có nhiệm vụ, quyền hạn sau: "Trực tiếp thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát kê khai thuế, hoàn thuế, miễn, giảm nộp thuế, quyết toán thuế và chấp hành chính sách pháp luật về thuế đối với người nộp thuế..."
6	Quyết định số 109/QĐ - BTC ngày 14/01/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Tổng cục Thuế.	Toàn bộ nội dung văn bản
7	Quyết định số 502/QĐ-TCT ngày 29/03/2010 của Tổng cục Thuế quy định chức năng, nhiệm vụ của các phòng thuộc Cục thuế.	- Mục 4, Phần I (quy định chức năng, nhiệm vụ cụ thể của Phòng Kiểm tra thuế - bao gồm 18 nhiệm vụ). - Mục 5, Phần I (quy định chức năng, nhiệm vụ cụ thể của Phòng Thanh tra thuế - bao gồm 14 nhiệm vụ).
8	Quyết định số 503/QĐ-TCT ngày 29/03/2010 của Tổng cục Thuế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của chi cục thuế trực thuộc Cục thuế.	Điểm 7, Điều 2 (quy định Chi cục thuế có nhiệm vụ, quyền hạn như sau: "Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc kê khai thuế, hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế, nộp thuế, quyết toán thuế và chấp hành chính sách pháp luật thuế và các tổ chức, cá nhân được uỷ nhiệm thu thuế theo phân cấp và thẩm quyền quản lý của Chi cục trưởng Chi cục thuế").
9	Quyết định số 504/QĐ-TCT ngày 29/03/2010 của Tổng cục Thuế quy định chức năng, nhiệm vụ của các đội thuộc Chi cục thuế.	Mục 4, Phần I (quy định chức năng, nhiệm vụ cụ thể của Đội kiểm tra thuế - bao gồm 17 nhiệm vụ).

10	Luật thanh tra số 56/2010/QH 12 ngày 15/11/2010	Toàn bộ nội dung văn bản
11	Nghị định số 82/2012/NĐ-CP ngày 09/10/2012 của Chính Phủ về tổ chức và hoạt động thanh tra ngành Tài chính.	Toàn bộ nội dung văn bản

1.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác thanh tra, kiểm tra thuế

1.4.1. Các nhân tố chủ quan

1.4.1.1. Công tác xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra thuế

Lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra là một khâu quan trọng trong công tác thanh tra, kiểm tra của ngành thuế, công việc này được tiến hành hàng năm nhằm đạt được các mục tiêu:

- Phân bổ và sử dụng hiệu quả nguồn lực thanh tra, kiểm tra.
- Nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác thanh tra, kiểm tra.
- Khuyến khích sự tuân thủ tự nguyện của đối tượng nộp thuế.

Để nâng cao hiệu quả của công tác thanh tra, kiểm tra thì cơ quan thuế phải xây dựng được chương trình thanh tra, kiểm tra hiệu quả. Chương trình thanh tra, kiểm tra là nền tảng cho mức độ tuân thủ bền vững và đóng góp vào việc xây dựng các biện pháp khác tác động đến hành vi của người nộp thuế.

Như vậy, việc xây dựng một kế hoạch thanh tra, kiểm tra là yêu cầu cần thiết của ngành thuế. Khi người nộp thuế thấy được rằng một chương trình thanh tra, kiểm tra hiệu quả đang hoạt động thì ý thức tự giác tuân thủ sẽ tốt hơn (kể cả các người nộp thuế chưa bị thanh tra, kiểm tra), đồng nghĩa với việc cơ quan thuế thu đúng và thu đủ số thuế phát sinh.

1.4.1.2. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra thuế

Để có thể lựa chọn được đúng người nộp thuế đưa vào kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm thì cán bộ thanh tra, kiểm tra phải thực hiện được những yêu cầu: tập hợp đầy đủ các thông tin liên quan đến người nộp thuế; hiểu và áp dụng các tiêu thức lựa chọn người nộp thuế thanh tra, kiểm tra; đưa ra quyết

định lựa chọn trường hợp thanh tra, kiểm tra dựa trên những hiểu biết và sự đánh giá chuyên nghiệp về người nộp thuế.

Cán bộ thanh tra, kiểm tra thuế phải được đào tạo nâng cao kỹ năng phân tích, đánh giá rủi ro để lựa chọn đúng người nộp thuế đưa vào kế hoạch thanh tra, kiểm tra. Điều này sẽ góp phần nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra hạn chế được sự lãng phí về thời gian và nguồn lực của công tác thanh tra, kiểm tra. Mặt khác cán bộ thuế cần phải có những kỹ năng cơ bản về sử dụng máy tính để có thể khai thác và sử dụng được thông tin từ hệ thống cơ sở dữ liệu người nộp thuế và nâng cao hiệu quả công việc.

1.4.1.3. Hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu về người nộp thuế

Công tác thanh tra, kiểm tra thuế chỉ có thể thực hiện được một cách có hiệu quả khi ngành thuế xây dựng được một hệ thống thông tin về người nộp thuế đầy đủ, chính xác và kịp thời với sự hỗ trợ hiệu quả của công nghệ thông tin hiện đại. Nếu không, các vấn đề rủi ro sẽ không thể được phát hiện đầy đủ chính xác và xử lý kịp thời. Đây là điểm đầu tiên trong quá trình đánh giá rủi ro, là thông tin chính để phân tích và xác định rủi ro, giúp ngành thuế hiểu biết toàn diện về ngành cũng như về người nộp thuế.

Hệ thống cơ sở dữ liệu về người nộp thuế phải đảm bảo cung cấp được các thông tin liên quan đến các người nộp thuế, bao gồm:

- Thông tin người nộp thuế khi thực hiện nghĩa vụ thuế, được lập thành lý lịch người nộp thuế, bao gồm:

- + Thông tin chung về người nộp thuế:.
- + Thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh và kê khai nộp thuế.
- + Thông tin về tuân thủ kê khai và nộp thuế.

- Thông tin từ các bên liên quan: Kho bạc, Hải quan, các Bộ, ngành...

- Các thông tin khác như: đài, báo, các thông tin tổ cáo....

1.4.1.4. Công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế

Công tác tuyên truyền, hỗ trợ NNT là công tác quan trọng có tác động đến hiệu quả của công tác thanh tra, kiểm tra thuế.

Công tác tuyên truyền, hỗ trợ NNT được thực hiện tốt, có hiệu quả sẽ giúp NNT kịp thời cập nhật các văn bản chính sách mới về thuế, giải đáp các vướng mắc trong quá trình thực thi pháp luật thuế để NNT hiểu đúng và thực hiện đúng chính sách pháp luật thuế hiện hành, qua đó giúp nâng cao ý thức tuân thủ tự giác của người nộp thuế.

1.4.1.5. Công tác thu nợ và cưỡng chế nợ thuế

Công tác thu nợ và cưỡng chế nợ thuế cũng là một trong những nhân tố ảnh hưởng đến công tác thanh tra, kiểm tra thuế. Thông thường, kết thúc một cuộc thanh tra, kiểm tra thuế sẽ phát sinh số thuế truy thu và xử phạt vi phạm hành chính. Nếu công tác thu nợ và cưỡng chế nợ thuế được thực hiện tốt, sẽ góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác thanh tra, kiểm tra thuế.

1.4.1.6. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động thanh tra, kiểm tra thuế

Ứng dụng của công nghệ thông tin có vai trò rất quan trọng trong hoạt động thanh tra, kiểm tra thuế. Để công tác thanh tra, kiểm tra thuế có hiệu quả, thì việc xây dựng được hệ thống các tiêu thức phân tích, đánh giá rủi ro với sự trợ giúp của máy tính có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Việc sử dụng các kỹ thuật phân tích, đánh giá rủi ro, gắn kết các thông tin khác nhau và sử dụng là rất khó khăn (nếu không muốn nói là không thể thực hiện được) nếu không có sự hỗ trợ của ứng dụng máy tính.

Hiện nay, ngành thuế đang từng bước triển khai thực hiện để phát triển, xây dựng các ứng dụng tin học phục vụ cho công tác quản lý thuế, trong đó có công tác thanh tra, kiểm tra.

1.4.1.7. Cơ chế phối hợp giữa các phòng chức năng trong cơ quan thuế và giữa cơ quan thuế với các cơ quan hữu quan

Trong hoạt động thanh tra, kiểm tra thuế, sự phối hợp giữa các phòng chức năng của CQT và giữa CQT với các ngành có liên quan có vai trò vô cùng quan trọng, tác động đến hiệu quả của công tác thanh tra, kiểm tra thuế.

Thông qua cơ chế phối hợp với các Cơ quan như: Hải Quan, Bộ Tài chính và cơ quan khác của Chính phủ, CQT có thêm thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh của NNT để phục vụ cho công tác thanh tra, kiểm tra thuế.

Bên cạnh đó, CQT cũng cần phối hợp với Công an, Tòa án, Viện kiểm sát... để xây dựng chương trình phối hợp điều tra đối với các doanh nghiệp có hành vi trốn thuế, gian lận thuế.

1.4.1.8. Công tác kiểm tra nội bộ

Công tác kiểm tra nội bộ cũng là một trong những nhân tố ảnh hưởng tới công tác thanh tra, kiểm tra thuế. Thông qua công tác kiểm tra nội bộ, cơ quan thuế sẽ giám sát đối với tất cả các hoạt động của các bộ phận quản lý (trong đó có hoạt động của bộ phận thanh tra, kiểm tra thuế) một cách trung thực, khách quan. Nhờ vậy, sẽ hạn chế các hành vi nhũng nhiễu, tùy tiện trong công tác quản lý thuế nói chung và công tác kiểm tra, thanh tra thuế nói riêng.

1.4.2. Các nhân tố khách quan

Ngoài các nhân tố chủ quan trên, công tác thanh tra, kiểm tra thuế cũng chịu sự ảnh hưởng của các nhân tố khách quan sau:

1.4.2.1. Trình độ và ý thức tuân thủ pháp luật của NNT

Trình độ và ý thức tuân thủ pháp luật của NNT là nhân tố có ảnh hưởng lớn đến công tác thanh tra, kiểm tra thuế.

Nếu trình độ và ý thức tuân thủ pháp luật của NNT cao, sẽ có tác động tích cực đến công tác thanh tra, kiểm tra thuế. Ngược lại, trình độ và ý thức tuân thủ pháp luật của NNT thấp, sẽ khiến công tác thanh tra, kiểm tra thuế gặp nhiều khó khăn.

1.4.2.2. Sự thay đổi của hệ thống chính sách pháp luật thuế

Hệ thống chính sách pháp luật về thuế của nước ta hiện nay đang ngày càng được đổi mới và hoàn thiện, tuy nhiên vẫn còn bộc lộ nhiều bất cập như thường xuyên thay đổi, nhiều văn bản quy định không rõ ràng...gây khó khăn không nhỏ cho NNT (trong việc hiểu và thực hiện đúng chính sách pháp luật thuế) và CQT (trong việc xử lý kết quả thanh tra, kiểm tra thuế).

Chương 2

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Các câu hỏi đặt ra mà đề tài cần giải quyết

Xuất phát mục tiêu nghiên cứu của đề tài, đó là đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác thanh tra, kiểm tra thuế tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc, đề tài sẽ phải làm rõ và trả lời được các câu hỏi sau:

2.1.1. Khái niệm thanh tra, kiểm tra thuế? Phân biệt thanh tra thuế và kiểm tra thuế? Đặc điểm, vai trò, mục tiêu, các hình thức và nguyên tắc hoạt động của thanh tra, kiểm tra thuế? Quy trình và kỹ năng thanh tra, kiểm tra thuế?

2.1.2. Thực trạng triển khai công tác thanh tra, kiểm tra thuế tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc thời gian qua (2010 - 2012) được diễn ra như thế nào? Những kết quả đã đạt được? Những vấn đề còn tồn tại và nguyên nhân?

2.1.3. Để hoàn thiện công tác thanh tra, kiểm tra thuế, Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc cần triển khai đồng bộ những giải pháp gì?

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu đề tài, tác giả đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu chủ yếu sau:

2.2.1. Phương pháp chọn điểm nghiên cứu

Thanh tra, kiểm tra thuế là một trong những nội dung quan trọng trong công tác quản lý thuế của Ngành thuế các tỉnh, thành phố trên cả nước. Trong phạm vi đề tài nghiên cứu của mình, tác giả đã chọn Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc - nơi tác giả đang công tác - làm địa điểm nghiên cứu. Đây là tỉnh có số thu về thuế liên tục tăng trưởng và nằm trong top 10 tỉnh có số thu lớn trên cả nước.

2.2.2. Phương pháp thu thập thông tin

Đề tài sử dụng số liệu thứ cấp và được tác giả khai thác từ các nguồn dữ liệu sau:

- Hệ thống thông tin về NNT do CQT quản lý như: QLT (phần mềm quản lý thuế), QTT (phần mềm phân tích tình trạng NNT), TINC (phần mềm Số hóa bởi Trung tâm Học liệu <http://www.lrc-tnu.edu.vn/>)

quản lý thông tin về NNT), BCTC (phần mềm hỗ trợ phân tích Báo cáo tài chính)...

- Các Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện công tác thu NSNN của Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2010 - 2012.

- Các báo cáo thống kê về tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Vĩnh Phúc.

- Các bài viết có liên quan đến đề tài nghiên cứu trên các trang Web và Tạp chí chuyên ngành Thuế - Tài chính - Hải Quan của Việt Nam và một số nước trên thế giới.

- Các tài liệu khác có liên quan.

Trên cơ sở các nguồn dữ liệu đã thu thập được nêu trên, tác giả tiến hành phân tích, chọn lọc thông tin phù hợp để phục vụ cho việc nghiên cứu và viết luận văn.

2.2.3. Phương pháp tổng hợp thông tin

Sau khi khai thác, thu thập được các tài liệu cần thiết, tác giả tiến hành chọn lọc, hệ thống hoá để tính toán các chỉ tiêu phục vụ cho việc nghiên cứu của đề tài. Các công cụ và kỹ thuật tính toán được tác giả xử lý trên chương trình Microsoft Excel.

2.2.4. Phương pháp phân tích thông tin

Các thông tin, số liệu sau khi được thu thập, tổng hợp sẽ được tác giả phân tích, đánh giá để rút ra kết luận.

2.2.5. Phương pháp đối chiếu, so sánh

Để làm rõ mục tiêu nghiên cứu của đề tài, tác giả sử dụng phương pháp đối chiếu, so sánh số liệu thu thập được giữa các năm với nhau, cơ cấu giữa các chỉ tiêu trong cùng một năm để thấy được sự biến động tăng, giảm, mức độ ảnh hưởng của các chỉ tiêu đến vấn đề nghiên cứu.

2.3. Hệ thống các chỉ tiêu nghiên cứu

Công tác thanh tra, kiểm tra thuế được thực hiện trên nguyên tắc sử dụng hệ thống tiêu thức và phương pháp đánh giá rủi ro để lượng hoá chấm Số hóa bởi Trung tâm Học liệu <http://www.lrc-tnu.edu.vn/>

điểm rủi ro, xếp hạng rủi ro, trên cơ sở đó xác định ngành, lĩnh vực, đối tượng, nội dung có khả năng rủi ro về thuế để phân bổ nguồn lực cán bộ thanh tra, kiểm tra thuế tập trung vào những rủi ro lớn nhất có khả năng thất thu về thuế cao nhất.

Vậy kỹ thuật quản lý rủi ro trong công tác thanh tra, kiểm tra thuế là gì? Khi xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra thuế phải dựa trên các tiêu thức đánh giá rủi ro nào? Đó là hệ thống các chỉ tiêu mà tác giả tập trung đi sâu vào nghiên cứu trong suốt quá trình thực hiện đề tài.

Kỹ thuật quản lý rủi ro trong công tác thanh tra, kiểm tra thuế là những cách thức, phương pháp, công nghệ và quy trình quản lý rủi ro được áp dụng trong công tác thanh tra, kiểm tra thuế.

Các tiêu thức sử dụng trong phân tích và đánh giá rủi ro, lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm đối với doanh nghiệp:

2.3.1. Quy mô của doanh nghiệp

Quy mô doanh nghiệp được phân loại theo hai tiêu thức doanh thu và tổng thuế phát sinh:

- Nếu doanh thu trên 300 tỷ và tổng thuế phát sinh trên 3.000 triệu thì doanh nghiệp có quy mô lớn.

- Nếu doanh thu từ trên 50 tỷ đến 300 tỷ và tổng thuế phát sinh từ trên 500 triệu đến 3.000 triệu thì doanh nghiệp có quy mô vừa.

- Nếu doanh thu từ trên 10 tỷ đến 50 tỷ và tổng thuế phát sinh từ trên 100 đến 500 triệu thì doanh nghiệp có quy mô nhỏ.

- Nếu doanh nghiệp có doanh thu dưới 10 tỷ và tổng thuế phát sinh dưới 100 triệu thì doanh nghiệp có quy mô rất nhỏ.

2.3.2. Loại hình doanh nghiệp

Căn cứ vào loại hình kinh tế của các doanh nghiệp, CQT tiến hành phân loại các doanh nghiệp theo mức độ rủi ro như sau:

- Công ty TNHH, DNTN, HTX...: rủi ro về thuế cao.

- Công ty cổ phần: có rủi ro về thuế nhưng không nghiêm trọng (ở mức vừa phải).

- Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế tại Việt Nam: rủi ro về thuế là thấp.

- Doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp, đơn vị an ninh, quốc phòng: rủi ro về thuế là rất thấp.

2.3.3. *Mức độ tuân thủ nộp thuế*

Căn cứ vào mức độ tuân thủ nộp thuế của NNT, CQT đánh giá mức độ rủi ro về thuế.

Đánh giá rủi ro theo mức độ tuân thủ nộp thuế: Là việc đánh giá mức độ tuân thủ về chấp hành kê khai, nộp thuế của doanh nghiệp trên cơ sở so sánh tổng số thuế đã nộp với tổng số thuế phải nộp, đối với 02 loại thuế GTGT và TNDN.

Công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ thuế đã nộp so phải nộp} = \frac{\text{Tổng số thuế đã nộp (GTGT+ TNDN)} \\ \text{(Trung bình 2 hoặc 3 năm)}}{\text{Tổng số thuế phải nộp (GTGT+ TNDN)}}$$

- Nếu tỷ lệ thuế đã nộp so với phải nộp là trên 90%: rủi ro về thuế là rất thấp.

- Nếu tỷ lệ thuế đã nộp so với phải nộp từ trên 85% đến 90%: rủi ro về thuế là thấp.

- Nếu tỷ lệ thuế đã nộp so với phải nộp từ trên 75% đến 85%: có rủi ro về thuế nhưng không nghiêm trọng (rủi ro ở mức vừa phải).

- Nếu tỷ lệ thuế đã nộp so với phải nộp từ 75% trở xuống: rủi ro về thuế là cao.

2.3.4. Hiệu quả sản xuất kinh doanh

- Căn cứ vào hiệu quả sản xuất kinh doanh của NNT, CQT đánh giá mức độ rủi ro về thuế.

- Nguyên tắc: So sánh đối với các doanh nghiệp trong cùng một ngành nghề, tỷ suất càng thấp thì rủi ro càng cao và ngược lại (số liệu lấy trung bình của 2 hoặc 3 năm).

- Công thức:

$$\text{HQ SXKD} = \frac{\text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động SXKD} + \text{Chi phí lãi vay}}{\text{Doanh thu thuần hoạt động SXKD}}$$

2.3.5. Tình hình kê khai, nộp thuế của doanh nghiệp

- Căn cứ vào tình hình kê khai, nộp thuế của doanh nghiệp, CQT đánh giá mức độ rủi ro về thuế.

- Nguyên tắc: So sánh đối với các doanh nghiệp trong cùng một ngành nghề theo từng sắc thuế, tỷ lệ kê khai về thuế mà thấp thì rủi ro về kê khai thuế là cao và ngược lại (lấy số liệu trung bình của 2 hoặc 3 năm).

- Công thức:

$$\frac{\text{Tỷ lệ thuế (GTGT, TTĐB...)} \text{ phát sinh so doanh thu}}{\text{Thuế GTGT phát sinh}} = \frac{\text{Thuế GTGT phát sinh}}{\text{Tổng doanh thu}}$$

2.3.6. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp

Tiêu thức này nhằm đánh giá phân tích các rủi ro thông qua đánh giá khả năng trong khâu kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp: Tổng công ty, công ty có nhiều đơn vị thành viên, chi nhánh phụ thuộc; có công ty mẹ hoặc có chi nhánh ở nước ngoài... thì rủi ro kiểm soát nội bộ cao.

2.3.7. Các năm đã thực hiện thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp

Trong phạm vi 3 năm nếu doanh nghiệp chưa được thanh tra, kiểm tra thì cơ quan thuế sẽ xem xét ưu tiên đưa vào kế hoạch thanh tra, kiểm tra.

Chương 3

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC THANH TRA, KIỂM TRA THUẾ TẠI CỤC THUẾ TỈNH VĨNH PHÚC

3.1. Đặc điểm kinh tế - xã hội và tổ chức bộ máy của Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc

3.1.1. Đặc điểm kinh tế - xã hội của tỉnh Vĩnh Phúc

Vĩnh Phúc là một tỉnh nằm ở cửa ngõ Tây Bắc của Thủ đô Hà Nội, thuộc vùng Châu thổ sông Hồng là một trong 8 tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc. Phía Tây Bắc giáp tỉnh Tuyên Quang; Phía Đông Bắc giáp tỉnh Thái Nguyên; Phía Đông Nam giáp Thủ đô Hà Nội; Phía Nam giáp Thủ đô Hà Nội; Phía Tây giáp tỉnh Phú Thọ.

Tỉnh lỵ của Vĩnh Phúc là Thành phố Vĩnh Yên, cách trung tâm Thủ đô Hà Nội 50km và cách sân bay quốc tế Nội Bài 25km. Tỉnh có 9 đơn vị hành chính gồm: Thành phố Vĩnh Yên là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa của tỉnh, Thị xã Phúc Yên và 7 huyện là Sông Lô, Bình Xuyên, Yên Lạc, Vĩnh Tường, Tam Dương, Tam Đảo và Lập Thạch.

Vĩnh Phúc có tiềm năng lớn về tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn. Tại đây có một quần thể danh lam, thắng cảnh tự nhiên nổi tiếng: Rừng Quốc gia Tam đảo, thác Bản Long, hồ Đại Lải, hồ Làng Hà,... Nhiều lễ hội dân gian đậm đà bản sắc dân tộc và rất nhiều di tích lịch sử, văn hóa mang đậm dấu ấn lịch sử và giá trị tâm linh như danh thắng Tây Thiên, Tháp Bình Sơn, Đền thờ Trần Nguyên Hãn, Di chỉ Đồng Đậu,...

Cho đến hết năm 2012 các khu công nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt bổ sung quy hoạch 20 khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh với tổng diện tích 6.038 ha vào quy hoạch phát triển các khu công nghiệp ở Việt Nam, trong đó có 9 khu công nghiệp đã được thành lập, đã và đang trong quá trình đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, khai thác hoạt động có hiệu quả; Các

khu công nghiệp đề nghị bổ sung qui hoạch mới giai đoạn 2015 đến năm 2020 là 04 khu công nghiệp.

Khi tỉnh Vĩnh Phúc mới được tái lập năm 1997, toàn tỉnh chỉ có 161 doanh nghiệp, trong đó có 10 doanh nghiệp nhà nước Trung ương, 32 doanh nghiệp nhà nước địa phương, 38 doanh nghiệp tập thể, 69 doanh nghiệp tư nhân và 12 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Với những chính sách ưu đãi của tỉnh, sau 15 năm tái lập tỉnh số lượng doanh nghiệp trên địa bàn đã gia tăng nhanh chóng. Tính đến hết 30/12/2012 toàn tỉnh có 4.323 doanh nghiệp, trong đó có 131 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hằng năm đóng góp quan trọng vào ngân sách của tỉnh. Năm 1997, toàn tỉnh có 152 doanh nghiệp nộp NSNN với 420 tỷ đồng, đến năm 2012, các doanh nghiệp nộp ngân sách đạt 9.873 tỷ đồng. Trong sự phát triển chung của các doanh nghiệp phải kể đến sự lớn mạnh không ngừng của các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Đại đa số các doanh nghiệp vừa và nhỏ là các doanh nghiệp dân doanh. Tính đến hết năm 2012 số lượng các doanh nghiệp này đăng ký là 3.876 doanh nghiệp gấp 35,42 lần so với số lượng đăng ký kinh doanh năm 1997 và chiếm 89,6% số lượng các doanh nghiệp trên địa bàn, đóng góp trên 25% trong cơ cấu giá trị tăng thêm của tỉnh.

Đến hết năm 2012 Vĩnh Phúc đã có 596 dự án đầu tư, trong đó có 140 dự án FDI với số vốn đăng ký khoảng 2,3 tỷ USD, vốn thực hiện ước đạt 40,4% và 469 dự án DDI với số vốn đăng ký khoảng 26.210 tỷ đồng, vốn thực hiện ước đạt 41%; đã có 216 dự án đi vào sản xuất kinh doanh (gồm 86 dự án FDI và 130 dự án DDI).

Như vậy tổng giá trị sản xuất thực hiện của khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đóng góp to lớn, thường là trên 60% trong tổng giá trị sản xuất ngành công nghiệp của tỉnh. Điều này cho thấy tăng trưởng của ngành công nghiệp Vĩnh Phúc chủ yếu là từ đóng góp của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài và cũng có thể nói công nghiệp Vĩnh Phúc đi lên chính là từ ngoại lực.

3.1.2. Tổ chức bộ máy của Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc

Bộ máy tổ chức của Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc được hình thành cùng với sự tái lập của tỉnh Vĩnh Phúc năm 1997. Kể từ khi hoạt động đến nay, cơ cấu tổ chức bộ máy của Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc đã nhiều lần thay đổi. Tuy nhiên, hiện nay cơ cấu tổ chức bộ máy của Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc được thực hiện mô hình quản lý theo chức năng (quy định tại các Quyết định số 108/QĐ-BTC ngày 14 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục thuế trực thuộc Tổng cục Thuế và Quyết định số 502/QĐ-TCT ngày 29 tháng 3 năm 2010 của Tổng cục Trưởng Tổng cục Thuế quy định chức năng, nhiệm vụ các phòng thuộc Cục thuế).

Hiện nay, toàn ngành thuế Vĩnh Phúc có 472 CBCC (không tính cán bộ theo hợp đồng 68), trong đó: trình độ trên đại học là 16 người (chiếm tỷ lệ 3%), đại học là 267 người (chiếm tỷ lệ 57%), cao đẳng là 15 người (chiếm tỷ lệ 3%), trung cấp là 160 người (chiếm tỷ lệ 34%), sơ cấp là 14 người (chiếm tỷ lệ 3%). Tổ chức bộ máy của ngành thuế Vĩnh Phúc được thực hiện như sau:

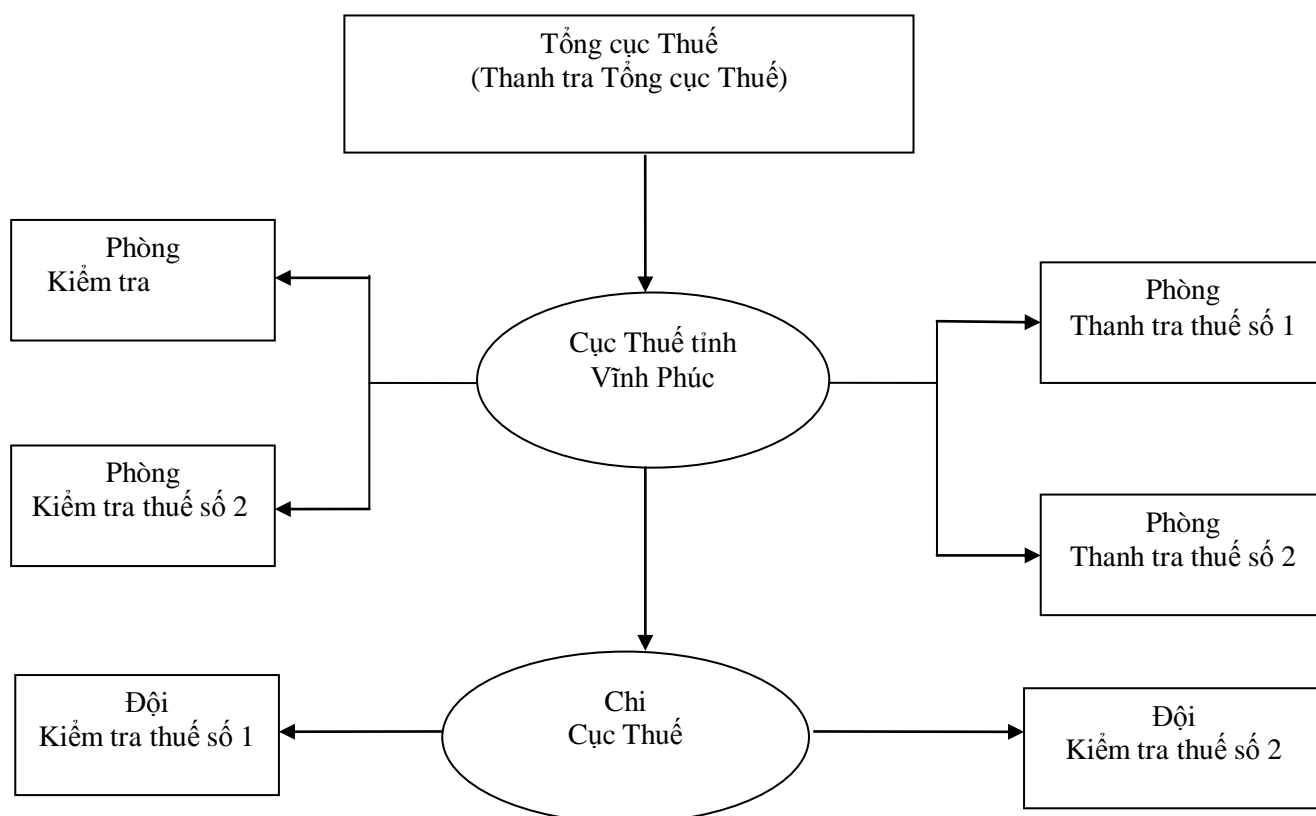
1. Văn phòng Cục thuế: Có 14 phòng chức năng (*Phòng Tổ chức cán bộ, Phòng Hành chính - Quản trị - Tài vụ - Ấn chỉ, Phòng Tổng hợp - Nghiệp vụ - Dự toán, Phòng Kiểm tra thuế số 1, Phòng Kiểm tra thuế số 2, Phòng Thanh tra thuế số 1, Phòng Thanh tra thuế số 2, Phòng Quản lý thuế Thu nhập cá nhân, Phòng Tuyên truyền - Hỗ trợ NNT, Phòng Kế khai & Kế toán thuế, Phòng Quản lý nợ & Cường chế nợ thuế, Phòng Quản lý các khoản thu từ đất, Phòng Kiểm tra nội bộ, Phòng Tin học*). Tổng số cán bộ của Văn phòng Cục thuế hiện nay là 135 người (chiếm 28.6% tổng số CBCC toàn ngành).

2. 09 chi cục thuế trực thuộc (*Chi cục thuế Thành phố Vĩnh Yên, Chi cục thuế Thị xã Phúc Yên, Chi cục thuế huyện Bình Xuyên, Chi cục thuế huyện Tam Dương, Chi cục thuế huyện Tam Đảo, Chi cục thuế huyện Yên Lạc, Chi cục thuế huyện Vĩnh Tường, Chi cục thuế huyện Lập Thạch, Chi cục*

thuế huyện Sông Lô). Tổng số CBCC của các Chi cục thuế hiện nay là 337 người (chiếm 71.4% tổng số cán bộ toàn ngành).

3.1.3. Tổ chức công tác thanh tra, kiểm tra thuế tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc

Tổ chức bộ máy thanh tra, kiểm tra thuế của Việt Nam hiện nay được tổ chức theo hệ thống dọc. Theo đó, mô hình tổ chức công tác thanh tra, kiểm tra thuế của Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc được thể hiện qua sơ đồ sau::



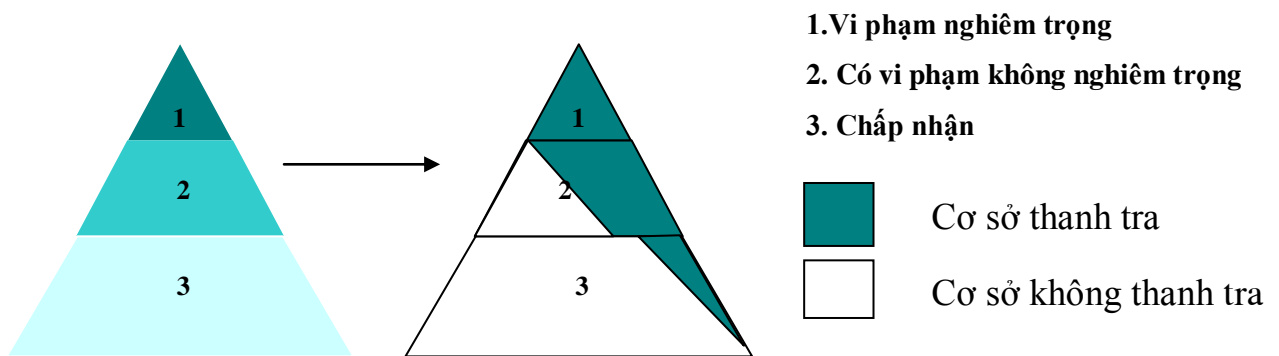
Sơ đồ 3.1: Tổ chức công tác thanh tra, kiểm tra thuế tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc

Hiện nay công tác thanh tra, kiểm tra thuế của Việt Nam nói chung và của Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc nói riêng được tổ chức theo cơ chế quản lý rủi ro. Thực tế đã chứng minh thanh tra, kiểm tra thuế theo rủi ro là phương pháp tiên tiến và được nhiều nước trên thế giới áp dụng. Thanh tra, kiểm tra thuế theo rủi ro giúp nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra thuế; cơ quan thuế có thể nhanh chóng tập trung vào những ngành (lĩnh vực) có nguy cơ gây

thất thu lớn nhất; phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực quản lý thuế và nâng cao tính tuân thủ tự nguyện của NNT.

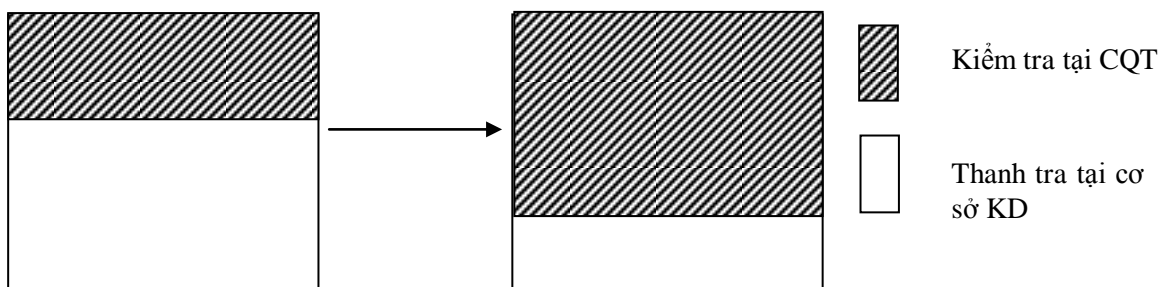
Cơ chế thanh tra, kiểm tra theo kỹ thuật quản lý rủi ro được thể hiện theo mô hình dưới đây:

+ *Mô hình 1*: Chuyển từ thanh tra, kiểm tra theo diện rộng sang thanh tra, kiểm tra theo tiêu chí phân loại



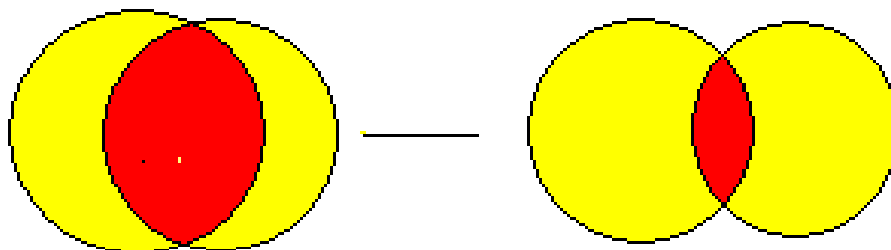
Sơ đồ 3.2: Cơ chế thanh tra, kiểm tra theo kỹ thuật quản lý rủi ro (mô hình 1)

+ *Mô hình 2*: Chuyển hoạt động thanh tra, kiểm tra chủ yếu tiến hành tại cơ sở kinh doanh sang thanh tra, kiểm tra chủ yếu tiến hành tại cơ quan thuế.



Sơ đồ 3.3: Cơ chế thanh tra, kiểm tra theo kỹ thuật quản lý rủi ro (mô hình 2)

+ *Mô hình 2*: Chuyển từ thanh tra kiểm tra toàn diện sang thanh tra, kiểm tra theo chuyên đề và nội dung vi phạm.



**Sơ đồ 3.4: Cơ chế thanh tra, kiểm tra theo kỹ thuật quản lý rủi ro
(mô hình 3)**

3.1.3.1. Tổ chức công tác thanh tra thuế tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc

Tổ chức thực hiện công tác thanh tra thuế tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc là Phòng Thanh tra thuế số 1 và Phòng Thanh tra thuế số 2.

Phòng Thanh tra thuế số 1 và Phòng Thanh tra thuế số 2 chịu sự quản lý, sự chỉ đạo trực tiếp của Cục trưởng Cục thuế và sự chỉ đạo về công tác nghiệp vụ thanh tra của Thanh tra Tổng cục Thuế.

Phòng Thanh tra thuế số 1 và Phòng Thanh tra thuế số 2 có nhiệm vụ: Giúp Cục trưởng Cục Thuế triển khai thực hiện công tác thanh tra NNT trong việc chấp hành pháp luật thuế; giải quyết tố cáo về hành vi trốn lậu thuế, gian lận thuế liên quan đến NNT thuộc phạm vi Cục Thuế quản lý.

Hiện nay, tổng số cán bộ của Phòng Thanh tra thuế số 1 và Phòng Thanh tra thuế số 2 là 18 người, chiếm tỷ lệ 3.8% cán bộ của ngành. Trình độ cán bộ thanh tra thuế được thể hiện như sau: Trên Đại học là 03 người (chiếm tỷ lệ 17%), Đại học là 14 người (chiếm tỷ lệ 78%), Trung cấp là 01 người (chiếm tỷ lệ 5%).

3.1.3.2. Tổ chức công tác kiểm tra thuế tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc

Tổ chức thực hiện công tác kiểm tra thuế tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc là Phòng Kiểm tra thuế số 1, Phòng Kiểm tra thuế số 2 và các Đội kiểm tra trực thuộc các Chi cục thuế. Trong đó:

Số hóa bởi Trung tâm Học liệu

<http://www.lrc-tnu.edu.vn/>

- Phòng Kiểm tra thuế số 1 và Phòng Kiểm tra thuế số 2 chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Cục trưởng Cục Thuế và sự chỉ đạo về công tác nghiệp vụ kiểm tra của Ban thanh tra Tổng cục thuế.

- Đội kiểm tra thuế chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Chi cục trưởng Chi cục Thuế và sự chỉ đạo về nghiệp vụ kiểm tra của Phòng kiểm tra Cục thuế.

Phòng Kiểm tra thuế số 1, Phòng Kiểm tra thuế số 2 và các Đội kiểm tra trực thuộc các Chi cục thuế có nhiệm vụ: Giúp Cục trưởng Cục Thuế kiểm tra, giám sát kê khai thuế; chịu trách nhiệm thực hiện dự toán thu đối với NNT thuộc phạm vi quản lý trực tiếp của Cục Thuế.

Hiện nay, tổng số CBCC của Phòng Kiểm tra thuế số 1, Phòng Kiểm tra thuế số 2 và các Đội kiểm tra thuế của các Chi cục thuế là 82 người, chiếm 17.4 % cán bộ của ngành. Trình độ cán bộ kiểm tra được thể hiện như sau: Trên Đại học là 06 người (chiếm tỷ lệ 7,3%), Đại học là 70 người (chiếm tỷ lệ 85,4%), Cao đẳng là 04 người (chiếm tỷ lệ 4,9%), Trung cấp là 02 người (chiếm tỷ lệ 2,4%).

3.2. Thực trạng công tác thanh tra, kiểm tra thuế tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc

Năm 2010 - 2012, Ngành thuế Vĩnh Phúc triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác Thuế trong bối cảnh nền kinh tế thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; tình hình kinh tế - xã hội trong nước vẫn còn nhiều khó khăn thách thức; thêm vào đó, việc Chính phủ áp dụng hàng loạt các chính sách giãn, giảm, gia hạn thuế tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp đã tác động không nhỏ đến tình hình thu NSNN.

Trước bối cảnh đó, Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc đã chỉ đạo toàn ngành thuế tăng cường công tác quản lý thu, chủ động khai thác các nguồn thu, chống thất thu và giảm nợ đọng thuế trên tất cả các lĩnh vực; trong đó đặc biệt đẩy mạnh công tác thanh, kiểm tra thuế để góp phần vào việc phấn đấu hoàn thành dự toán thu NSNN.

Với mục tiêu như vậy, công tác thanh tra, kiểm tra thuế của Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc đã được cụ thể hoá, đưa ra lộ trình về thời gian và các kết quả cần đạt được, bên cạnh đó cũng bố trí nhân lực triển khai các công việc đột xuất đảm bảo hoàn thành tốt các chương trình, kế hoạch trong năm.

Thực trạng công tác thanh tra, kiểm tra thuế trên địa bàn Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc năm 2010 - 2012 được thể hiện trên các mặt cụ thể như sau:

3.2.1. Công tác xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra thuế

Công tác xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra luôn là công tác quan trọng được Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc quan tâm hàng đầu, bởi việc lựa chọn đối tượng thanh tra, kiểm tra có ý nghĩa quyết định đến hiệu quả của công tác thanh tra, kiểm tra thuế.

Ngay từ cuối năm, Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc đã chỉ đạo các Phòng và các Chi cục thuế tiến hành lựa chọn các đối tượng đưa vào kế hoạch thanh tra, kiểm tra thuế cho năm sau trình Lãnh đạo Cục phê duyệt, bao gồm: Kế hoạch kiểm tra tại trụ sở CQT và kế hoạch thanh tra, kiểm tra tại trụ sở NNT.

Việc lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra được các Phòng, các Đội thực hiện theo quy trình, thông qua đánh giá rủi ro, phân tích thông tin về ĐTNNT trên tờ khai thuế hàng tháng, báo cáo tài chính doanh nghiệp và cơ sở dữ liệu của CQT, tập trung vào nhóm doanh nghiệp lớn, kinh doanh đa ngành nghề trên nhiều địa bàn, các lĩnh vực, ngành hàng, các loại hình tổ chức có dấu hiệu thất thu thuế;

Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc căn cứ vào chỉ tiêu thanh tra và nhiệm vụ kiểm tra thuế mà Tổng cục Thuế giao hàng năm; số liệu phân tích đánh giá rủi ro, quy mô quản lý doanh nghiệp và nhân lực của từng Phòng và Chi cục thuế để ra Quyết định giao nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra thuế:

- Năm 2010, Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc đã có Quyết định số 156/QĐ-CT ngày 30/12/2009 phê duyệt kế hoạch thanh tra 81 doanh nghiệp; Quyết định số 157/QĐ-CT ngày 30/12/2009 giao nhiệm vụ kiểm tra 170 doanh nghiệp cho 02 phòng kiểm tra và 9 chi cục thuế huyện thị.

- Năm 2011, Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc đã có Quyết định số 4803/QĐ-CT ngày 30/12/2010 phê duyệt kế hoạch thanh tra 90 doanh nghiệp (tăng 111 % so với năm 2010); Quyết định số 727/QĐ-CT ngày 30/3/2011 giao nhiệm vụ kiểm tra 515 doanh nghiệp chi tiết cho 02 phòng kiểm tra và 9 chi cục thuế huyện thị (tăng 303% so với năm 2010).

- Năm 2012, Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc đã ban hành Quyết định số 161/QĐ-CT ngày 09/02/2012 giao nhiệm vụ kiểm tra 521 doanh nghiệp cho 02 Phòng Kiểm tra thuế và 9 Chi cục Thuế (tăng 101 % so với năm 2011); Quyết định số 162/QĐ-TCT ngày 09/02/2012 giao kế hoạch thanh tra 94 doanh nghiệp cho 02 Phòng Thanh tra thuế (tăng 104% so với năm 2011).

Chi tiết kế hoạch thanh tra, kiểm tra thuế tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc năm 2010 - 2012 như sau:

Bảng 3.1: Kế hoạch thanh tra, kiểm tra thuế tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc năm 2010 - 2012

STT	Đơn vị thực hiện	Kế hoạch thanh tra, kiểm tra			So sánh (%)	
		2010	2011	2012	2011/2010	2011/2012
1	Thanh tra	81	90	94	111	104
2	Kiểm tra	170	515	521	303	101
	Tổng cộng	251	605	615		

(Nguồn: Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc)

Như vậy, căn cứ vào số liệu trên có thể thấy, cùng với sự gia tăng, phát triển không ngừng của các loại hình doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh với các hành vi gian lận thuế, trốn thuế, tránh thuế... ngày càng tinh vi, khó phát hiện hơn như trong giai đoạn hiện nay thì nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra thuế Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc càng những năm về sau lại càng trở nên nặng nề hơn; đòi hỏi sự quyết tâm và nỗ lực của toàn thể đội ngũ cán bộ thanh tra, kiểm tra của toàn ngành thuế mới có thể hoàn thành được.

3.2.2. Công tác kiểm tra thuế tại trụ sở CQT

Công tác kiểm tra thuế tại trụ sở CQT luôn là công tác được Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc đặc biệt chú trọng và quan tâm, bởi thông qua công tác kiểm tra Số hóa bởi Trung tâm Học liệu <http://www.lrc-tnu.edu.vn/>

tra thuế tại trụ sở CQT mà các hành vi vi phạm của NNT được phát hiện và ngăn chặn kịp thời, nhờ vậy mà công tác quản lý thuế đạt được hiệu quả.

Thực hiện Quy trình Kiểm tra thuế, các Phòng Kiểm tra và các Chi cục thuế thực hiện kiểm tra sơ bộ đối với 100% hồ sơ khai thuế nhận được và thực hiện kiểm tra chuyên sâu đối với các doanh nghiệp thuộc diện phải kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở CQT theo kết quả đánh giá rủi ro và kế hoạch kiểm tra đã phê duyệt từ năm trước.

Khi kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở CQT, cán bộ kiểm tra thuế của các Phòng và các Đội thường vận dụng các kiến thức về chế độ kế toán, cơ chế tài chính, pháp luật thuế và sử dụng các phương pháp đối chiếu, so sánh, phân tích để nhận dạng các dấu hiệu rủi ro, xác định các sai phạm chủ yếu trên hồ sơ khai thuế; trên cơ sở đó, các Phòng và các Chi cục thuế thực hiện:

- Ra thông báo yêu cầu NNT giải trình, bổ sung thông tin tài liệu đối với trường hợp không ghi chép hoặc phản ánh đầy đủ các chỉ tiêu trên hồ sơ khai thuế hoặc căn cứ xác định số thuế đã khai có nhiều nội dung nghi vấn.

- Ra quyết định ấn định thuế hoặc quyết định kiểm tra tại trụ sở NNT (trong trường hợp đã ra thông báo lần 2 nhưng NNT không giải trình bổ sung được hoặc đã giải trình bổ sung nhưng không chứng minh được số thuế đã khai là đúng).

Số liệu chi tiết kết quả kiểm tra thuế tại trụ sở CQT của Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc trong 3 năm 2010 - 2012 được thể hiện như sau:

Bảng 3.2: Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở CQT (2010 - 2012)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kết quả xử lý hồ sơ khai thuế					Tổng số tiền thuế		
		Tổng số	Số hồ sơ chấp nhận	Số hồ sơ điều chỉnh	Số hồ sơ ấn định	Số hồ sơ đề nghị kiểm tra tại DN	Điều chỉnh		Ấn định
							Tăng	Giảm	
1	Năm 2010	31,211	30,428	717	7	59	19,666	5,659	628
2	Năm 2011	38,775	37,882	612	3	278	10,274	3,416	476
3	Năm 2012	43,095	42,682	313	2	98	6,190	3,240	311
	Tổng cộng	113,081	110,992	1,642	12	435	36,130	12,443	1,415

(Nguồn: Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc)

Báo cáo kết quả kiểm tra thuế tại trụ sở CQT của Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc, cho thấy:

- Năm 2010: Tổng số hồ sơ khai thuế phải kiểm tra là 31.211 lượt hồ sơ, đã thực hiện kiểm tra 31.211 hồ sơ (đạt 100%). Trong đó: Số hồ sơ chấp nhận là 30.428 hồ sơ (chiếm tỷ lệ 97,5 %), số hồ sơ phải điều chỉnh là 717 hồ sơ (tổng số tiền thuế điều chỉnh tăng là 19.666 triệu đồng, tổng số tiền thuế điều chỉnh giảm là 5.659 triệu đồng); số hồ sơ ấn định là 7 hồ sơ (tổng số tiền thuế ấn định là 628 triệu đồng), số hồ sơ đề nghị kiểm tra tại doanh nghiệp là 59 hồ sơ.

- Năm 2011: Tổng số hồ sơ khai thuế phải kiểm tra là 38.775 lượt hồ sơ, đã thực hiện kiểm tra 38.775 hồ sơ (đạt 100%). Trong đó: Số hồ sơ chấp nhận là 37.882 hồ sơ (chiếm 97,7%), số hồ sơ phải điều chỉnh là 612 hồ sơ (tổng số tiền thuế điều chỉnh tăng là 10.274 triệu đồng, tổng số tiền điều chỉnh giảm là 3.416 triệu đồng), số hồ sơ ấn định là 3 hồ sơ (tổng số tiền thuế ấn định là 476 triệu đồng), số hồ sơ đề nghị kiểm tra tại doanh nghiệp là 278 hồ sơ.

- Năm 2012: Tổng số hồ sơ khai thuế phải kiểm tra là 43.095 hồ sơ, đã thực hiện kiểm tra 43.095 hồ sơ (đạt 100%). Trong đó: số hồ sơ chấp nhận là: 42.682 hồ sơ (chiếm 99%), số hồ sơ phải điều chỉnh là 313 hồ sơ (tổng số tiền thuế điều chỉnh tăng là 6190 triệu đồng, tổng số tiền thuế điều chỉnh giảm là 3.240 triệu đồng); số hồ sơ ấn định là 7 hồ sơ (tổng số tiền thuế ấn định là 628 triệu đồng), số hồ sơ đề nghị kiểm tra tại doanh nghiệp là 268 hồ sơ.

Như vậy: Do quy mô, số lượng NNT gia tăng theo từng năm nên nhiệm vụ kiểm tra thuế tại trụ sở CQT cũng nặng nề hơn (năm 2012, số hồ sơ khai thuế phải kiểm tra tăng 111% so với năm 2011 và 138% so với năm 2010). Kết quả kiểm tra thuế tại trụ sở CQT tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc cho thấy: mặc dù số lượng hồ sơ khai thuế phải kiểm tra đều tăng qua các năm nhưng số hồ sơ khai thuế phải điều chỉnh, số hồ sơ ấn định, số hồ sơ đề nghị kiểm tra tại trụ sở NNT và tổng số tiền thuế phải điều chỉnh (tăng, giảm), ấn định lại có

xu hướng giảm. Kết quả này, phản ánh chất lượng công tác kiểm tra tại trụ sở CQT tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc còn nhiều hạn chế. Tuy nhiên, công tác kiểm tra thuế tại trụ sở CQT cũng đã giúp Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc kịp thời phát hiện và chấn chỉnh các hành vi vi phạm về thuế của NNT, qua đó góp phần tăng thu cho NSNN. Cụ thể, thông qua công tác kiểm tra tại bàn đã phát hiện số thuế phải nộp tăng thêm vào NSNN là 36.130 triệu đồng, số thuế điều chỉnh giảm là 12.443 triệu đồng, số tiền thuế ấn định là 1.415 triệu đồng.

3.2.3. Công tác thanh tra, kiểm tra tại trụ sở NNT

Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch thanh tra, kiểm tra đã được phê duyệt và quyết định điều chỉnh, bổ sung kế hoạch thanh tra, kiểm tra (nếu có), Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc thực hiện thanh tra, kiểm tra tại trụ sở NNT.

Việc thanh tra, kiểm tra được triển khai theo chuyên đề và tập trung chủ yếu vào các doanh nghiệp có quy mô kinh doanh lớn, ngành nghề kinh doanh phức tạp; doanh nghiệp có hoạt động chuyên giá giữa các bên có giao dịch liên kết; doanh nghiệp âm thuế kéo dài, kinh doanh thua lỗ và nhiều năm chưa thanh tra, kiểm tra thuế; doanh nghiệp có số thuế được miễn, giảm, giãn, hoàn thuế lớn và các doanh nghiệp có rủi ro cao về thuế khác...

Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra thuế tại trụ sở NNT các năm 2010 - 2011 cụ thể như sau:

Bảng 3.3: Báo cáo tổng hợp kết quả thanh tra, kiểm tra thuế tại trụ sở NNT (2010 - 2012)

DVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kết quả Thanh tra					Kết quả kiểm tra				
		Kế hoạch	Thực hiện	Truy thu & Xử phạt	Giảm lỗ	Giảm thuế GTGT khấu trừ	Kế hoạch	Thực hiện	Truy thu & Xử phạt	Giảm lỗ	Giảm thuế GTGT khấu trừ
1	Năm 2010	81	64	24,789	17,123	2,320	170	175	13,024	14,554	3,872
2	Năm 2011	90	102	32,027	25,063	4,409	515	518	32,606	16,501	5,410
3	Năm 2012	94	92	72,930	85,320	1,700	521	533	31,945	50,325	14,415
	Tổng cộng	265	258	129,746	127,506	8,429	1,206	1,226	77,575	81,380	23,697

(Nguồn: Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc)

Báo cáo kết quả kiểm tra thuế tại trụ sở NNT của Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc, cho thấy:

** Năm 2010:*

- *Kết quả thanh tra:* Đã hoàn thành thanh tra tại 64 doanh nghiệp (đạt 79 % kế hoạch). Tổng số thuế truy thu và xử phạt VPHC qua thanh tra là 24,789 triệu đồng (trong đó số truy thu là 23,689 triệu đồng, tiền phạt là 1,1 tỷ đồng), giảm lỗ 17,123 triệu đồng, giảm thuế GTGT khấu trừ 2,320 triệu đồng.

- *Kết quả kiểm tra:* Đã hoàn thành kiểm tra tại 175 doanh nghiệp (đạt 103 % kế hoạch). Tổng số thuế kiến nghị truy thu và xử phạt qua kiểm tra là 13.024 triệu đồng (trong đó số thuế truy thu là 12,164 triệu đồng, tiền phạt là 860 triệu đồng), giảm lỗ 14,554 triệu đồng, giảm thuế GTGT khấu trừ 3,872 triệu đồng.

** Năm 2011:*

- *Kết quả thanh tra:* Đã hoàn thành thanh tra tại 102 doanh nghiệp (đạt 113 % kế hoạch). Tổng số thuế truy thu và xử phạt VPHC qua thanh tra là 32,027 triệu đồng (bằng 129 % so với cùng kỳ năm 2010), giảm lỗ 25,063 triệu đồng (bằng 146 % so với cùng kỳ năm 2010) , giảm khấu trừ thuế GTGT 4,409 triệu đồng (bằng 190 % so với cùng kỳ năm 2010).

- *Kết quả kiểm tra:* Đã hoàn thành kiểm tra tại 518 doanh nghiệp (đạt 101 % kế hoạch). Tổng số thuế truy thu và xử phạt VPHC qua thanh tra là 32,606 triệu đồng (bằng 250% so với cùng kỳ năm 2010), giảm lỗ 16,501 triệu đồng (bằng 113 % so với cùng kỳ năm 2010), giảm khấu trừ thuế GTGT 5,410 triệu đồng (bằng 140% so với cùng kỳ năm 2010).

** Năm 2012:*

- *Kết quả thanh tra:* Đã ban hành 94 quyết định thanh tra tại 94 doanh nghiệp và đã hoàn thành thanh tra 92 doanh nghiệp (đạt 98 % kế hoạch); xử lý truy thu và phạt VPHC 72,9 tỷ đồng (bằng 228 % so cùng kỳ năm 2011); giảm lỗ qua thanh tra là 85,320 triệu đồng (bằng 340% so cùng kỳ năm 2011);

Giảm khấu trừ thuế GTGT: 1,700 triệu đồng (bằng 39 % so cùng kỳ năm 2011). Đã nộp NSNN 5,100 triệu đồng (do nhiều cuộc thanh tra có số truy thu lớn kết thúc vào cuối năm 2012).

- *Kết quả kiểm tra:* Đã hoàn thành kiểm tra tại 533 doanh nghiệp (đạt 102 % kế hoạch)); xử lý truy thu và phạt VPHC 31,945 triệu đồng (bằng 98% so cùng kỳ năm 2011), giảm lỗ qua kiểm tra là 50,325 triệu đồng (bằng 305% so cùng kỳ năm 2011); Giảm khấu trừ thuế GTGT: 14,415 triệu đồng (bằng 266% so cùng kỳ năm 2011). Đã nộp NSNN 13,872 triệu đồng (bằng 138,3% so với cùng kỳ năm 2011).

Kết quả thanh tra, kiểm tra thuế tại trụ sở NNT của Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc thời gian qua cho thấy, các sai phạm chủ yếu mà các doanh nghiệp thường mắc phải (hay nói cách khác, các rủi ro về thuế thường gặp) là:

* Thuế GTGT:

- *Kê khai thiếu doanh thu và thuế GTGT đầu ra:* ghi nhận doanh thu không đúng trong kỳ tính thuế; không xuất hoá đơn và kê khai thuế GTGT đầu ra đối với khối lượng công việc xây dựng đã hoàn thành, nghiệm thu, bàn giao; không xuất hoá đơn và kê khai thuế GTGT đầu ra đối với hàng hoá, dịch vụ dùng để trao đổi, biếu tặng...).

- *Xác định sai đối tượng chịu thuế và không chịu thuế:* kê khai đối tượng không chịu thuế đối với hàng hoá dịch vụ chịu thuế (tiền bản quyền, nhượng bán các khoản đầu tư...) và ngược lại, kê khai đối tượng không chịu thuế nhưng không phân bổ thuế GTGT đầu vào được khấu trừ tương ứng...

- *Xác định sai số thuế GTGT được khấu trừ:* kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào chậm quá thời gian quy định (6 tháng), kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với các hoá đơn không phục vụ sản xuất kinh doanh; kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với hoá đơn mua vào từ 20 triệu đồng trở lên nhưng không thực hiện thanh toán qua ngân hàng....

- *Xác định sai thuế suất:* hàng hoá, dịch vụ thuế thuộc đối tượng không chịu thuế nhưng lại ghi thuế suất là 5% hoặc 10%...

* Thuế TNDN:

- *Xác định sai doanh thu chịu thuế TNDN*: hàng khuyến mãi, hàng bán trả lại, giảm giá hàng bán, không đảm bảo thủ tục quy định; không ghi nhận doanh thu tài chính đối với các khoản đầu tư tài chính, chuyển nhượng vốn...

- *Xác định sai doanh thu và thu nhập khác*: thanh lý tài sản cố định, bán phế liệu, phế phẩm không ghi nhận doanh thu (hạch toán giảm chi phí); chênh lệch đánh giá lại tài sản không ghi nhận thu nhập khác để tính thuế TNDN...

- *Xác định sai các khoản chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế*: không hạch toán giảm giá vốn đối với hàng bán bị trả lại hoặc đối với chi phí nguyên vật liệu vượt định mức; trích khấu hao tài sản cố định không đúng theo quy định (khấu hao đối với tài sản đã khấu hao hết giá trị, khấu hao nhanh không đúng đối tượng, không đảm bảo điều kiện quy định)...

- *Xác định sai các khoản chi phí khác*: Ghi nhận vào chi phí các khoản thuế bị truy thu và phạt...

- *Xác định sai ưu đãi thuế*: đăng ký ngành nghề thuộc diện ưu đãi thuế nhưng không thực hiện đúng ngành nghề như đã đăng ký; áp dụng ưu đãi thuế TNDN cho cả các khoản thu nhập khác (thu nhập hoạt động tài chính, các khoản hoàn nhập dự phòng)...

3.3. Đánh giá thực trạng công tác thanh tra, kiểm tra thuế tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc

3.3.1. Các kết quả đã đạt được

Năm 2010 - 2012, Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao trong bối cảnh nền kinh tế thế giới cũng như trong nước gặp gặp nhiều khó khăn, thách thức. Tuy nhiên, được sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ, Hội đồng Nhân dân và Ủy ban Nhân dân tỉnh; sự phối hợp thường xuyên có hiệu quả của các Ngành, các Cấp; sự chỉ đạo kịp thời của Tổng Cục thuế - Bộ Tài chính; sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Ban Lãnh đạo Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc cùng với sự quyết tâm đồng lòng của đội

ngũ CBCC Ngành thuế, công tác quản lý thuế nói chung và công tác thanh tra, kiểm tra thuế nói riêng đã đổi mới thêm một bước từ chỉ đạo điều hành đến triển khai thực hiện, đạt được những kết quả đáng khích lệ, góp phần vào thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan.

** Về công tác quản lý thuế:*

Nhiều năm liền Vĩnh phúc là một trong những tỉnh nằm trong top 10 về thu NSNN của ngành thuế cả nước. Đặc biệt trong những năm gần đây, Cục thuế Vĩnh Phúc luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thu NSNN (ngoại trừ số thu năm 2012 do ảnh hưởng nặng nề của khủng hoảng kinh tế trong nước). Số thu ngân sách của tỉnh Vĩnh Phúc qua các năm như sau:

Bảng 3.4: Kết quả thu NSNN của Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc năm 2010 - 2012

DVT: Triệu đồng

Năm	Dự toán thu (Tổng cục thuế giao)	Thực hiện		Tỷ lệ thuế thu NSNN/ Dự toán
		Tổng số thu toàn ngành	Trong đó: Số thu của DN có vốn ĐTNN	
2010	10.750.000	10.899.780	9.391.297	101
2011	11.200.000	11.311.496	9.424.612	101
2012	12.600.000	9.873.393	8.171.330	78

(Nguồn: Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc)

Một trong những nguyên nhân chủ yếu làm cho số thu năm 2012 không hoàn thành kế hoạch dự toán giao và giảm số thu so với các năm trước là do trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc số thu tập trung chủ yếu vào các doanh nghiệp có vốn ĐTNN nhất là các doanh nghiệp có vốn đầu tư từ Nhật bản, với dự toán thu từ lĩnh vực ĐTNN của Vĩnh phúc chiếm trên 80% số thu NSNN, trong bối cảnh chung của nền kinh tế và các chính sách vĩ mô của Chính Phủ đã tác động lớn đến tình hình sản xuất kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm của các doanh nghiệp này từ đó số nộp NSNN giảm đáng kể.

** Công tác thanh tra, kiểm tra thuế:*

- Công tác xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra thuế được các bộ phận chuyên môn chú trọng, triển khai thực hiện sớm, hoàn thành trước thời điểm 31/12 của năm trước do vậy đã giúp Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc chủ động trong việc triển khai nhiệm vụ ngay từ đầu năm. Bên cạnh đó, việc lựa chọn NNT đưa vào kế hoạch thanh tra, kiểm tra dựa trên các tiêu thức quản lý rủi ro đã giúp Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc triển khai nhiệm vụ có trọng tâm, trọng điểm; tránh được tình trạng thanh tra, kiểm tra thuế tràn lan gây lãng phí thời gian, nguồn nhân lực và chi phí, đặc biệt là không gây phiền hà cho các tổ chức, cá nhân chấp hành tốt pháp luật thuế.

- Công tác kiểm tra thuế tại trụ sở CQT được thực hiện theo đúng Quy trình; 100% hồ sơ khai thuế của NNT đều được cán bộ thuế kiểm tra, đánh giá sơ bộ ngay sau khi nhận được. Công tác kiểm tra chuyên sâu hồ sơ khai thuế tại trụ sở CQT được các bộ phận chuyên môn quan tâm chú trọng, nhờ vậy đã kịp thời phát hiện và chấn chỉnh các hành vi vi phạm về thuế của NNT, qua đó góp phần tăng thu cho NSNN. Kết quả thực hiện công tác kiểm tra thuế tại trụ sở CQT của Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc các năm 2010 - 2012 cho thấy: qua kiểm tra 113.081 hồ sơ khai thuế đã có 1.642 hồ sơ phải điều chỉnh, chiếm 0,015 % trên tổng số hồ sơ khai thuế đã nhận (trong đó số thuế phải nộp tăng thêm là 36.130 triệu đồng, số thuế điều chỉnh giảm là 12.443 triệu đồng, số tiền thuế ấn định là 1.415 triệu đồng).

- Công tác thanh tra, kiểm tra thuế tại trụ sở NNT luôn hoàn thành vượt mức kế hoạch giao (ngoại trừ kế hoạch thanh tra năm 2010 và 2012 chưa hoàn thành do nhiều nguyên nhân khách quan như một số doanh nghiệp xin hoãn và lùi thời gian giải trình...).

Bảng 3.5: Kết quả thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc năm 2010 - 2012

STT	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện kế hoạch thanh tra			Kết quả thực hiện kế hoạch kiểm tra		
		Kế hoạch	Thực hiện	So sánh (%)	Kế hoạch	Thực hiện	So sánh (%)
1	Năm 2010	81	64	79	170	175	103

2	Năm 2011	90	102	113	515	518	101
3	Năm 2012	94	92	98	521	533	102
	Tổng cộng	265	258		1,206	1,226	

(Nguồn: Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc)

+ Công tác thanh tra, kiểm tra theo chuyên đề bước đầu đã mang lại nhiều hiệu quả, đặc biệt là chuyên đề kiểm tra các doanh nghiệp thường xuyên kê khai lỗ và các doanh nghiệp có quan hệ giao dịch liên kết. Thông qua công tác thanh tra, kiểm tra nhiều doanh nghiệp đã phải điều chỉnh lại giá bán, giá gia công; doanh nghiệp khai lỗ, không nộp thuế sau khi thanh tra, kiểm tra đã phải nộp thuế truy thu và phạt, mất quyền ưu đãi, truy hồi số thuế GTGT đã hoàn hoặc giảm trừ số lỗ.

+ Công tác thanh tra, kiểm tra thuế đã kết hợp với việc thanh tra, kiểm tra tình hình sử dụng hoá đơn của các doanh nghiệp và đã đem lại những hiệu quả tích cực, từng bước góp phần điều chỉnh việc chấp hành pháp luật thuế của các doanh nghiệp trong việc bán hàng phải xuất hoá đơn, kê khai doanh thu đầy đủ.

+ Thông qua công tác thanh tra, kiểm tra tại trụ sở NNT đã tập trung đôn đốc các khoản tiền thuế nợ đọng bị chiếm dụng vào NSNN, phát hiện các dạng ản lậu thuế để xử lý kịp thời.

+ Qua công tác thanh tra, kiểm tra tại trụ sở NNT đã góp phần răn đe, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm, gian lận về thuế, qua đó góp phần tăng thu cho NSNN. Kết quả thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra thuế tại trụ sở NNT tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc các năm 2010 - 2012 cho thấy: Tổng số tiền truy thu & xử phạt qua thanh tra, kiểm tra là 207.321 triệu đồng; giảm lỗ qua thanh tra, kiểm tra thuế là 208.886 triệu đồng; giảm thuế GTGT khấu trừ qua thanh tra, kiểm tra thuế là 32.126 triệu đồng. Tỷ lệ số thuế truy thu & xử phạt qua công tác thanh tra kiểm tra tại trụ sở NNT đóng góp vào số

thu NSNN của Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc năm 2010 - 2012 tăng dần và được biểu hiện qua bảng sau:

Bảng 3.6: Kết quả Công tác thanh tra, kiểm tra tại trụ sở NNT và số thu NSNN của Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc năm 2010 - 2012

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Số thuế truy thu & xử phạt qua thanh tra, kiểm tra tại trụ sở NNT			Số thu NSNN	Tỷ lệ (%)
		Thanh tra	Kiểm tra	Tổng		
1	Năm 2010	24,789	13,024	37,813	10,899,780	0,35
2	Năm 2011	32,027	32,606	64,633	11,311,496	0,57
3	Năm 2012	72,930	31,945	104,875	9,873,393	1,06
	Tổng cộng	129,746	77,575	207,321	32,084,669	

(Nguồn: Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc)

Bên cạnh các kết quả đạt được trên các mặt công tác cụ thể như đã nêu trên, Công tác thanh tra, kiểm tra thuế tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc thời gian qua đã góp phần nâng cao dần tính tuân thủ tự giác trong việc chấp hành các chính sách thuế của NNT; tạo lập công bằng về nghĩa vụ thuế, thúc đẩy cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế trên địa bàn tỉnh.

3.3.2. Những tồn tại cần khắc phục và nguyên nhân

3.3.2.1. Những tồn tại cần khắc phục

Năm 2010 - 2012, Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc đã vượt qua nhiều khó khăn, thách thức và đạt nhiều thành tựu trong công tác quản lý thuế, đặc biệt là công tác thanh tra, kiểm tra thuế. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đáng khích lệ kể trên, công tác thanh tra, kiểm tra thuế tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế cần khắc phục.

- Về công tác xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra thuế: Công tác xác định kế hoạch thanh tra, kiểm tra thuế tuy đã được thực hiện sớm, giúp Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc chủ động trong việc triển khai kế hoạch thanh tra, kiểm tra thuế của năm sau nhưng đôi khi vẫn còn mang tính chủ quan, cảm tính, dựa vào kinh nghiệm là chính, chứ chưa dựa vào đầy đủ các tiêu thức đánh giá mức độ rủi ro về thuế, do vậy việc lựa chọn đối tượng, nội dung cần thanh tra, kiểm tra nhiều khi chưa được chuẩn xác, dẫn đến tình trạng vẫn còn tồn tại một số cuộc thanh tra, kiểm tra không phát hiện số thuế truy thu, gây lãng phí nguồn nhân lực và làm giảm hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra thuế hay NNT có dấu hiệu rủi ro cao về thuế thì không được đưa vào danh sách phải thanh tra, kiểm tra, nhỡ như ngoài vòng pháp luật còn NNT có ý thức chấp hành pháp luật thuế tốt thì lại bị gây phiền hà, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hiện tại, kỹ thuật quản lý rủi ro đã được áp dụng vào hệ thống thuế trên toàn quốc. Tuy nhiên, chất lượng triển khai chưa cao. Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc là một trong những tỉnh triển khai sớm và tương đối tốt điều này, tuy nhiên, việc ứng dụng kỹ thuật quản lý rủi ro vào công tác thanh tra, kiểm tra thuế vẫn còn cần phải hoàn thiện nhiều hơn nữa. Việc sử dụng các kỹ năng phân tích rủi ro trong quá trình kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở CQT và tại trụ sở NNT; phân tích các chỉ tiêu trong BCTC và phân tích theo các tỷ suất vẫn còn được thực hiện một cách rời rạc, đơn lẻ, chưa có sự đồng nhất cao giữa các cán bộ, bộ phận.

Công tác xây dựng kế hoạch kiểm tra tại trụ sở CQT ở một số bộ phận, đơn vị còn chưa cân đối với nguồn lực cán bộ hiện có dẫn đến tình trạng không hoàn thành kế hoạch kiểm tra đã được Lãnh đạo Cục phê duyệt.

- Về công tác kiểm tra tại trụ sở CQT: Công tác kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở CQT tuy đã được thực hiện theo đúng quy trình, nhưng chất lượng và hiệu quả chưa cao. Việc kiểm tra sơ bộ 100% hồ sơ khai thuế nhận

được để phân loại, xác định rủi ro vẫn còn mang tính hình thức, chưa đi vào chiều sâu. Công tác kiểm tra chuyên sâu đối với các hồ sơ khai thuế đã lập kế hoạch từ năm trước theo tiêu chí rủi ro đôi khi vẫn còn bị động do vậy kết quả chưa cao. Nhiều hồ sơ khai thuế được đưa vào danh sách phải kiểm tra chuyên sâu nhưng chưa thực hiện kiểm tra do thiếu nhân lực hoặc khi kiểm tra, yêu cầu doanh nghiệp giải trình lại không phát sinh số thuế phải điều chỉnh hoặc số thuế điều chỉnh thấp.

Bảng 3.7: Đánh giá hiệu quả công tác kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở CQT

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Tổng số hồ sơ đã kiểm tra	Số hồ sơ phải điều chỉnh	Tỷ lệ (%)	Số thuế điều chỉnh tăng	Số thuế điều chỉnh tăng BQ/hồ sơ	Số thuế điều chỉnh giảm	Số thuế điều chỉnh giảm BQ/hồ sơ	Số hồ sơ ấn định	Số tiền ấn định	Số thuế ấn định BQ/hồ sơ
1	Năm 2010	31,211	717	2.3	19,666	27.4	5,659	7.9	7	628	89.7
2	Năm 2011	38,775	612	1.6	10,274	16.8	3,416	5.6	3	476	158.6
3	Năm 2012	43,095	313	1	6,190	19.8	3,240	10.4	2	311	155.6
	Tổng cộng	113,081	1,642		36,130	64.0	12,315	23.8	12	1,415	403.9

(Nguồn: Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc)

Kết quả đánh giá công tác kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở CQT tại Bảng 3.7, cho thấy:

+ Tỷ lệ hồ sơ phải điều chỉnh so với số hồ sơ đã kiểm tra có xu hướng giảm qua các năm (năm 2010 là 2.3%, năm 2011 là 1.6%, năm 2012 là 1%).

+ Tương tự như trên, số thuế điều chỉnh (tăng) tính bình quân/hồ sơ cũng giảm mạnh (năm 2010 là 27.4 triệu đồng/hồ sơ, năm 2011 là 16.8 triệu đồng/hồ sơ, năm 2012 là 19.8 triệu đồng/hồ sơ).

+ Số thuế điều chỉnh giảm tính bình quân/hồ sơ và số thuế ấn định tính bình quân/hồ sơ tuy có tăng qua các năm, nhưng số tiền thuế lại không đáng kể.

- Về công tác thanh tra, kiểm tra tại trụ sở NNT:

+ Về số lượng, chất lượng các cuộc thanh tra, kiểm tra: Kết quả thanh tra, kiểm tra tại trụ sở NNT cho thấy số lượng các cuộc thanh tra, kiểm tra còn ít; chất lượng các cuộc thanh tra, kiểm tra chưa cao và có xu hướng giảm qua các năm:

Bảng 3.8: Đánh giá hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra thuế tại trụ sở NNT năm 2010 - 2012

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kết quả Thanh tra			Kết quả Kiểm tra		
	Số lượng DN	Truy thu & Xử phạt	Số truy thu & xử phạt bình quân/DN	Số lượng DN	Truy thu & Xử phạt	Số truy thu & xử phạt bình quân/DN
1	2	3	4 = 3/2	5	6	7 = 6/5
Năm 2010	64	24,789	387	175	13,024	74
Năm 2011	102	32,027	314	518	32,606	63
Năm 2012	92	72,930	793	533	31,945	60
Tổng cộng	260	129,746		1,231	77,575	

(Nguồn: Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc)

Số liệu tại Bảng 3.8 cho thấy, số lượng các cuộc thanh tra, kiểm tra tăng so với cùng kỳ (năm 2011, số doanh nghiệp đã thực hiện thanh tra tăng so với năm 2010 là 38 doanh nghiệp, đạt 158%; năm 2012, số lượng doanh nghiệp đã thực hiện kiểm tra tăng so với năm 2011 là 15 doanh nghiệp, đạt 103%), tuy nhiên chất lượng có xu hướng giảm thể hiện qua số kiến nghị truy thu bình quân trên một doanh nghiệp sau thanh tra, kiểm tra giảm (thanh tra năm 2010 truy thu & xử phạt 387 triệu đồng/doanh nghiệp thì năm 2011 là 314 triệu đồng/doanh nghiệp; tương tự kiểm tra năm 2010 truy thu & xử phạt 74 triệu đồng/doanh nghiệp thì năm 2011 là 62 triệu đồng/doanh nghiệp). Ngoài ra, chất lượng thanh tra, kiểm tra có xu hướng giảm còn thể hiện ở một số doanh nghiệp có thực hiện thanh tra, kiểm tra nhưng không có số truy thu.

+ *Về thời gian thực hiện thanh tra, kiểm tra:* Việc chấp hành quy định về thời gian của một số cuộc thanh tra, kiểm tra chưa đảm bảo, còn bị kéo dài tuy nhiên trong hồ sơ không nêu rõ nguyên nhân.

+ *Về phương pháp tổ chức, triển khai thanh tra, kiểm tra:* Ở một số đơn vị, các đoàn thanh tra, kiểm tra chưa thống nhất về phương pháp tổ chức, triển khai nên còn tồn tại một số vấn đề như chưa thống nhất về mẫu biểu; cách xử lý phạt chậm nộp; chưa có sự đồng đều về chất lượng công tác giữa các Đoàn thanh tra, kiểm tra, đặc biệt là chưa có sự thống nhất cao trong việc xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình thanh tra, kiểm tra; chưa thực sự có sự đánh giá chất lượng, tổng kết kinh nghiệm, kỹ năng thanh tra, kiểm tra thuế một cách có hệ thống.

+ *Về xử lý và đôn đốc thực hiện sau thanh tra, kiểm tra thuế:* Mặc dù thời gian qua các cuộc thanh tra, kiểm tra đã cơ bản thực hiện xử lý phạt 10% số thuế kê khai thiếu phát hiện sau thanh tra, kiểm tra tuy nhiên hầu hết chưa xử phạt chậm nộp tiền thuế (0,05%/ngày) đối với các trường hợp trên. Việc theo dõi đôn đốc thực hiện các quyết định xử lý truy thu, xử phạt sau thanh tra, kiểm tra không được tiến hành thường xuyên, liên tục dẫn đến nợ đọng kéo dài, do vậy đã làm giảm hiệu quả của công tác thanh tra, kiểm tra.

3.3.2.2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

Sở dĩ, công tác thanh tra, kiểm tra thuế vẫn còn tồn tại một số hạn chế nêu trên chủ yếu là do các nguyên nhân sau:

* Nguyên nhân khách quan

Thứ nhất là: Hiện nay chính sách thuế còn nhiều bất cập, thay đổi liên tục, nhiều văn bản hướng dẫn chưa cụ thể, rõ ràng, dẫn đến quá trình thực hiện có nhiều khó khăn; nhiều trường hợp xin ý kiến Tổng cục Thuế, Bộ Tài chính nhưng chậm được trả lời nên kết quả xử lý sau thanh tra, kiểm tra bị kéo dài

Thứ hai là: Trình độ kế toán của các doanh nghiệp hiện nay, đặc biệt là các doanh nghiệp ngoài quốc doanh còn nhiều hạn chế; hệ thống sổ sách kế Số hóa bởi Trung tâm Học liệu <http://www.lrc-tnu.edu.vn/>

toán, hệ thống báo biểu không đầy đủ, thiếu logic khiến công tác thanh tra, kiểm tra gặp nhiều khó khăn.

Thứ ba là: Ý thức chấp hành pháp luật kế toán, thuế và các chính sách pháp luật khác của một bộ phận doanh nghiệp hiện nay chưa cao: tình trạng chây ì, nợ thuế; trì hoãn thanh tra, kiểm tra; trì hoãn ký biên bản thanh tra còn diễn ra phổ biến.

Thứ tư là: Việc tiến hành xử lý các trường hợp vi phạm theo quyết định của thanh tra, kiểm tra thuế chưa đủ sức răn đe, quyền hạn của bộ phận thanh tra, kiểm tra thuế còn ít nên cũng ảnh hưởng tới hiệu quả của công tác thanh tra, kiểm tra thuế.

* Nguyên nhân chủ quan

Thứ nhất là: Trình độ, năng lực của một bộ phận CBCS làm công tác thanh tra, kiểm tra chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao; kỹ năng và nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra còn nhiều hạn chế; trình độ ngoại ngữ và tin học còn yếu. Một bộ phận cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra còn chậm đổi mới để thích ứng với công tác thanh tra, kiểm tra trong cơ chế tự khai tự nộp; chưa thường xuyên nghiên cứu, cập nhật chính sách pháp luật thuế; chưa thành thạo về kế toán và phân tích đánh giá tài chính doanh nghiệp để có điều kiện phát hiện các gian lận về thuế. Tình trạng vụ lợi cá nhân, lợi dụng thanh tra, kiểm tra để gây phiền hà, sách nhiễu NNT vẫn còn diễn ra và chưa được xử lý triệt để.

Thứ hai là: Tổ chức bộ máy thanh tra, kiểm tra còn mỏng, chưa tương xứng với khối lượng công việc và yêu cầu nhiệm vụ được giao. Lực lượng cán bộ chuyên trách công tác thanh tra, kiểm tra hiện nay là 100/472 cán bộ (chiếm 21,2% cán bộ toàn ngành), trong khi đó tỷ lệ này ở các nước cùng khu vực hiện nay là 25% - 30%.

Thứ ba là: Hệ thống thông tin hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra thuế còn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng. Các phần mềm quản lý thuế (TIN

C, QLT, QTT...) chưa thực sự có mối quan hệ gắn kết và thừa hưởng các thông tin của nhau. Hệ thống cơ sở dữ liệu về NNT còn nghèo nàn, thiếu tính chính xác và chưa thường xuyên cập nhật các thông tin thay đổi. Các chương trình phần mềm ứng dụng hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra thuế bước đầu đã được xây dựng (BCTC, TTR...) nhưng chưa hiệu quả và đáp ứng được yêu cầu chuyên môn.

Thứ tư là: Công tác quản lý đối tượng NNT ở một số bộ phận, còn lỏng lẻo, chưa thật sự sát sao; việc theo dõi nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thông qua hồ sơ khai thuế và các kênh thông tin khác (ngân hàng; các doanh nghiệp có cùng quy, mô ngành nghề; các bên có quan hệ mua bán, giao dịch liên kết...) còn chậm, chưa kịp thời và chưa được quan tâm đúng mức.

Thứ năm là: Công tác chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra thuế từ Cục xuống Chi cục thuế chưa được duy trì thường xuyên, liên tục. Những khó khăn vướng mắc ở Chi cục không được báo cáo kịp thời để chỉ đạo tháo gỡ...

Thứ sáu là: Công tác phối hợp giữa các Phòng ban (Phòng Thanh tra, Phòng Kiểm tra, Phòng Kế khai & Kế toán thuế, Phòng Quản lý nợ & Cường chế nợ thuế), giữa CQT và các cơ quan chức năng liên quan đôi khi còn chậm, chưa kịp thời và hiệu quả.

Chương 4

CÁC GIẢI PHÁP ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC THANH TRA, KIỂM TRA THUẾ TẠI CỤC THUẾ TỈNH VĨNH PHÚC

4.1. Quan điểm, phương hướng, mục tiêu của Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc về công tác thanh tra, kiểm tra thuế

4.1.1. Quan điểm

Nhận thức được vị trí, vai trò quan trọng của Công tác thanh tra, kiểm tra đối với công tác quản lý thuế, thời gian qua Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc luôn chú trọng tăng cường và đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra thuế trên địa bàn toàn tỉnh; coi thanh tra, kiểm tra thuế là mũi nhọn trong công tác điều hành và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý thuế.

Năm 2013 được đánh giá là năm mà nền kinh tế nước ta sẽ còn tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn. Trước bối cảnh đó, Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc nhận định nhiệm vụ thu Ngân sách của Tỉnh trong năm là hết sức nặng nề (*năm 2013, Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc được Tổng cục trưởng Tổng cục thuế giao kế hoạch thanh tra là 105 doanh nghiệp, tăng 11,7% so với kế hoạch năm 2012; nhiệm vụ kiểm tra thuế là 549 doanh nghiệp, tăng 5,3% so với nhiệm vụ năm 2012*). Do vậy, việc phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao là một thách thức không nhỏ đối với Ngành thuế Vĩnh Phúc, đòi hỏi sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Ban lãnh đạo Cục thuế; sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận chức năng; sự quyết tâm, đồng lòng của đội ngũ cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra thuế và đặc biệt là việc triển khai đồng bộ, kịp thời và hiệu quả các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra thuế.

4.1.2. Phương hướng

Năm 2013, thực hiện khẩu hiệu "trách nhiệm - kỷ cương" do Ngành thuế phát động, Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc quán triệt việc tuân thủ các quy định về giờ giấc làm việc, tác phong kỷ luật, văn minh công sở; tăng cường thời

Số hóa bởi Trung tâm Học liệu <http://www.lrc-tnu.edu.vn/>

gian làm việc tại CQT, tập trung cho hoạt động thanh, kiểm tra theo rủi ro; xây dựng và ban hành quy chế giám sát đoàn thanh, kiểm tra với mục tiêu là giám sát nhằm chuẩn hóa các nội dung công việc bảo đảm tính minh bạch, tăng cường tính giám sát của cấp trên đối với cấp dưới, của trưởng đoàn với thành viên; tăng tính tuân thủ của cán bộ thanh, kiểm tra thuế; tuyên truyền để NNT được thanh tra, kiểm tra thuế hiểu được quyền và trách nhiệm của mình, đồng thời có sự phối hợp, trao đổi, phản hồi kịp thời, chính xác với CQT trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của CBCC thuế. CQT sẽ xử lý nghiêm minh đối với những CBCC có hành vi chưa đúng mực, thiếu văn minh trong giao tiếp ứng xử, gây phiền hà cho NNT cũng như Vi phạm pháp luật.

Năm 2013, thực hiện chỉ đạo của Bộ Tài chính và Tổng cục thuế, công tác thanh tra, kiểm tra tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc tiếp tục tập trung vào các doanh nghiệp lỗ có dấu hiệu chuyển giá; khai thác tăng thu các doanh nghiệp có số nợ thuế lớn; doanh nghiệp nhiều năm chưa được thanh tra, kiểm tra; các doanh nghiệp được hưởng ưu đãi, miễn, giảm thuế; thanh tra kết hợp với kiểm tra sau hoàn thuế; thanh tra các doanh nghiệp tạm nhập, tái xuất; thanh tra các lĩnh vực phát sinh thuế nhà thầu nước ngoài. Phần đầu thực hiện đơn đốc số thu nộp vào NSNN đạt 75-80% tổng số thuế truy thu và phạt qua thanh tra, kiểm tra.

4.1.3. Mục tiêu

Bằng nhiều nỗ lực trong việc thực hiện và triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác thanh tra, kiểm tra thuế, Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc hướng tới mục tiêu hiện đại hoá công tác thanh tra, kiểm tra thuế và chuyên nghiệp hoá đội ngũ cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra thuế; trên cơ sở đó từng bước hướng tới mục tiêu hiện đại hoá công tác quản lý thuế tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc.

4.2. Các giải pháp đề xuất nhằm hoàn thiện công tác thanh tra, kiểm tra thuế tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc

4.2.1. Các giải pháp

Thời gian qua, công tác thanh tra, kiểm tra tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ, góp phần tích cực trong việc chống thất thu NSNN. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tích đã đạt được, công tác thanh tra, kiểm tra thuế tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế cần hoàn thiện.

Để hoàn thành tốt nhiệm vụ thu ngân sách năm 2013 và các năm tiếp theo trong tình hình khó khăn như hiện nay, Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc cần tiếp tục phát huy những thế mạnh đã có, đồng thời cần tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra thuế. Cụ thể, các giải pháp đó là:

4.2.1.1. Hoàn thiện công tác xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra thuế

Đây là nội dung có ý nghĩa hết sức quan trọng, quyết định hiệu quả của một cuộc thanh tra, kiểm tra thuế.

Trong thời gian tới, công tác xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra thuế tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc cần phải được quán triệt, thống nhất thực hiện trên cơ sở phân tích, đánh giá rủi ro về thuế (*dựa trên nguồn dữ liệu kê khai của doanh nghiệp, kết hợp với thông tin thu thập được trong quá trình quản lý, giám sát hồ sơ khai thuế*) và phải phù hợp với nguồn nhân lực hiện có, giúp cho công chức thanh, kiểm tra chủ động trong việc triển khai nhiệm vụ nhiệm vụ, đưa công tác thanh, kiểm tra đi vào nề nếp, ổn định và đạt tiến độ theo chương trình kế hoạch đề ra.

Khi xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra thuế, cần tập trung vào các doanh nghiệp có rủi ro thất thu về thuế cao; doanh nghiệp có quan hệ giao dịch liên kết, có dấu hiệu chuyển giá; doanh nghiệp kinh doanh thua lỗ; doanh nghiệp nhiều năm chưa được thanh tra, kiểm tra; doanh nghiệp chây ì nợ thuế; doanh nghiệp có vi phạm về kê khai thuế, vi phạm về hoá đơn, chứng từ...

Hiện nay, Tổng cục thuế đã hoàn thành và triển khai mở rộng phần mềm ứng dụng phân tích rủi ro NNT (TPR, gồm 16 tiêu chí rủi ro) phục vụ công tác lập kế hoạch thanh tra năm 2013 đến 63 Cục Thuế. Đây là một thuận lợi lớn đối với Ngành thuế cả nước nói chung và Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc nói riêng. Với việc ứng dụng phần mềm TPR vào thực tiễn, chắc chắn sẽ đem lại hiệu quả cao trong công tác phân tích, lựa chọn đối tượng thanh tra, kiểm tra đảm bảo tính minh bạch khách quan nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý thuế nói chung và công tác thanh tra thuế nói riêng, góp phần hiện đại hóa công tác quản lý thuế.

4.2.1.2. Nâng cao năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra thuế

Đội ngũ cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra thuế ở Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc hiện nay vẫn còn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng, do vậy việc nâng cao năng lực, trình độ đối với đội ngũ cán bộ trên là một yêu cầu vô cùng bức thiết. Trong thời gian tới, để chuyên nghiệp hoá đội ngũ cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra, Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc cần triển khai có hiệu quả các nội dung sau:

- Kiện toàn công tác tổ chức cán bộ theo hướng tăng cường lực lượng CBCC có trình độ, năng lực chuyên môn ở các bộ phận khác bổ sung vào lực lượng cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra thuế.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng, nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra cho đội ngũ cán bộ mới; đồng thời tổ chức đào tạo lại đối với đội ngũ cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra nhằm nâng cao hơn nữa trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn về kế toán; kỹ năng thanh tra, kiểm tra thuế theo chuyên đề nhằm tạo điều kiện cho cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra thuế nắm bắt được một cách toàn diện các đặc thù trong hoạt động sản xuất kinh doanh, cơ chế hoạch toán và quy trình kê khai thuế

của từng loại hình doanh nghiệp; trên cơ sở đó tổng hợp, đúc kết để xây dựng sổ tay kỹ năng nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra áp dụng trên phạm vi toàn Cục.

- Thường xuyên tổ chức các hội nghị sơ kết, đánh giá hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra thuế trên địa bàn để cùng học tập, trao đổi, rút kinh nghiệm nhằm nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra cho cán bộ thuế và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra thuế.

- Tăng cường các biện pháp giáo dục, rèn luyện nhằm nâng cao phẩm chất, đạo đức của đội ngũ CBCC làm công tác thanh tra, kiểm tra thuế.

Như vậy, song song với việc Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc triển khai các giải pháp nêu trên, để hướng tới một đội ngũ cán bộ thanh tra, kiểm tra thuế chuyên nghiệp, hiệu quả, vừa giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, vừa có lối sống lành mạnh, thái độ ứng xử, giao tiếp đúng mức... đòi hỏi mỗi CBCC làm công tác thanh tra, kiểm tra thuế phải không ngừng nỗ lực trong việc tự học tập và tu dưỡng về đạo đức nghề nghiệp, kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ và kỹ năng thanh tra, kiểm tra thuế để đáp ứng yêu cầu trong thời kỳ đổi mới.

4.2.1.3. Hoàn thiện hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu về NNT

Hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu về NNT của Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc hiện nay còn nghèo nàn, lạc hậu và chậm đổi mới, do vậy đã làm giảm đáng kể hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra thuế. Trong thời gian tới, Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc cần hoàn thiện theo các hướng sau:

- Thường xuyên cập nhật các thông tin thay đổi liên quan đến tình hình kê khai, đăng ký thuế, nộp thuế... của NNT vào các phần mềm ứng dụng của Ngành thuế; đảm bảo hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về NNT mang tính thời sự, cập nhật.

- Xử phạt nghiêm đối với các trường hợp vi phạm các quy định về việc chậm cung cấp, đăng ký thay đổi thông tin cho CQT.

4.2.1.4. Tăng cường công tác tuyên truyền, hỗ trợ NNT

Công tác tuyên truyền, hỗ trợ của CQT giúp NNT nắm vững chính sách, pháp luật về thuế để tự giác thực hiện. Trong thời gian tới, Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc cần tăng cường công tác tuyên truyền, hỗ trợ NNT theo các nội dung sau:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hỗ trợ NNT ở tất cả các khâu, các bộ phận, các lĩnh vực dưới nhiều hình thức đa dạng nhằm nâng cao nhận thức, ý thức và tạo sự đồng thuận trong việc chấp hành pháp luật thuế của NNT.

- Có phương pháp, cách thức tuyên truyền để NNT đồng tình, phối hợp cùng CQT phòng, chống tiêu cực trong công tác quản lý thuế, nhất là trong công tác thanh, kiểm tra thuế.

- Định kỳ tổ chức các hội nghị đối thoại với NNT để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho NNT trong việc thực thi pháp luật thuế; động viên, khuyến khích NNT thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và đúng chính sách pháp luật thuế.

- Nâng cao chất lượng trang thông tin điện tử của Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc nhằm phục vụ tích cực cho công tác tuyên truyền hỗ trợ NNT và CBCC trong ngành trong việc khai thác thông tin trong lĩnh vực quản lý thuế.

- Tiếp tục thực hiện công tác xã hội hóa hoạt động hỗ trợ NNT.

4.2.1.5. Tổ chức tốt công tác thu nợ và cưỡng chế nợ thuế sau thanh tra, kiểm tra

Hoạt động kiểm tra, thanh tra thuế chỉ thực sự hiệu quả khi các quyết định xử lý sau kiểm tra, thanh tra thuế được thực hiện kịp thời và đầy đủ. Vì vậy, Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc cần tổ chức tốt công tác theo dõi, đôn đốc đối tượng kiểm tra, thanh tra thực hiện nghiêm chỉnh các quyết định xử lý sau kiểm tra, thanh tra thuế; gắn trách nhiệm cho các đoàn thanh tra, kiểm tra phối hợp với các bộ phận quản lý nợ để đảm bảo thu hồi tối đa tiền thuế, tiền phạt sau thanh tra, kiểm tra vào NSNN.

Đối với những trường hợp cố tình không thực hiện quyết định xử lý của CQT, Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc cần phối hợp chặt chẽ với các cơ quan

hữu quan để tổ chức cưỡng chế, đảm bảo pháp luật thuế được thực hiện nghiêm minh.

4.2.1.6. Ứng dụng hiệu quả các tiến bộ của công nghệ thông tin phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra thuế

Triển khai áp dụng rộng rãi các ứng dụng tin học vào công tác thanh tra, kiểm tra thuế và quan tâm chỉ đạo sát sao nhập dữ liệu vào các ứng dụng tin học (ứng dụng TPR và BCTC); cập nhật đầy đủ cơ sở dữ liệu thông tin về NNT, áp dụng phổ biến việc sử dụng tiêu chí đánh giá rủi ro để phân tích lựa chọn lập kế hoạch, kiểm tra hồ sơ khai thuế tại CQT đạt hiệu quả cao.

4.2.1.7. Tăng cường sự phối hợp giữa các phòng, bộ phận chức năng trong CQT và giữa CQT với các cơ quan hữu quan

- Tăng cường sự phối hợp giữa các phòng Thanh tra, Kiểm tra thuế với các Phòng Kế khai & Kế toán thuế, Phòng Quản lý nợ & cưỡng chế nợ thuế...; giữa Văn phòng Cục thuế và các Chi cục thuế để nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác quản lý thuế.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả công tác phối hợp thu ngân sách qua hệ thống trao đổi thông tin giữa CQT - Kho bạc - Ngân hàng; kết nối thông tin giữa 4 ngành: Thuế - Hải quan - Kho bạc - Tài chính; kết nối công thông tin với Sở kế hoạch đầu tư trong việc cấp đăng ký kinh doanh và mã số thuế theo Nghị định số 43/2010/NĐ-CP và Thông tư số 14/2010/TT-BKH của Bộ Kế hoạch và đầu tư; theo cơ chế “một cửa liên thông”.

- Phối hợp có hiệu quả với các cơ quan điều tra để kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi có dấu hiệu tội phạm trong lĩnh vực thuế như: trốn thuế, gian lận thuế, lừa đảo chiếm đoạt tiền hoàn thuế GTGT, in ấn, mua bán và sử dụng trái phép hoá đơn GTGT, chây ì không nộp đủ tiền thuế, tiền phạt vào NSNN và các tội phạm khác về thuế.

4.2.1.8. Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ

Bên cạnh những giải pháp nêu trên, thì việc tăng cường công tác kiểm tra nội bộ cũng có vai trò quan trọng đối với công tác quản lý thuế nói chung

và công tác kiểm tra, thanh tra thuế rói riêng. Thông qua công tác kiểm tra nội bộ, cơ quan thuế sẽ giám sát đối với tất cả các hoạt động của các bộ phận quản lý một cách trung thực, khách quan. Điều này sẽ hạn chế các hành vi những nhiễu, tùy tiện trong công tác quản lý thuế nói chung và công tác kiểm tra, thanh tra thuế nói riêng, trên cơ sở đó hướng tới mục tiêu xây dựng ngành thuế trong sạch, vững mạnh, phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế và phục vụ tốt nhất cho NNT.

4.2.2. Các đề xuất, kiến nghị đối với Nhà nước, Bộ Tài chính, Tổng cục thuế và Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc

4.2.2.1. Đối với Nhà nước

a. Hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật về thuế

Cũng như các quốc gia trên thế giới, hệ thống pháp luật thuế ở Việt Nam được coi là thành tố quan trọng trong hệ thống pháp luật kinh tế - tài chính. Đến nay, hệ thống chính sách, pháp luật về thuế của Việt Nam đã trải qua ba giai đoạn cải cách và đã có một cơ cấu thuế tương tự các nước có nền kinh tế thị trường khác ở Châu Á.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, hệ thống chính sách pháp luật về thuế của Việt Nam hiện nay vẫn còn bộc lộ nhiều tồn tại, hạn chế, cần tiếp tục được nghiên cứu, hoàn thiện nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế trong thời kỳ mới.

Trong thời gian tới, việc nghiên cứu, hoàn thiện hệ thống chính sách về thuế ở Việt Nam cần tập trung vào ba vấn đề cốt yếu sau:

Một là, cần mở rộng cơ sở tính thuế. Thông qua mở rộng phạm vi đối tượng chịu thuế, ĐTNT, thu hẹp phạm vi ưu đãi, miễn giảm thuế bằng cách giảm bớt các miễn, giảm thuế không thiết thực, không công bằng, xoá bỏ những quy định khác biệt về nghĩa vụ nộp thuế giữa các đối tượng, tách dần chính sách xã hội ra khỏi chính sách thuế, qua đó đảm bảo tính công bằng của hệ thống chính sách pháp luật thuế.

Hai là, giảm mức thu thuế đối với các ĐTNT, thông qua từng bước giảm số lượng và mức thuế suất, qua đó đảm bảo tính hiệu quả của hệ thống chính sách pháp luật về thuế, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất.

Ba là, đơn giản hoá và nâng cao hiệu quả công tác quản lý thu thuế. Thông qua cải cách các quy trình, thủ tục về kê khai, nộp thuế và quản lý thuế, đảm bảo tính đơn giản, minh bạch, công khai, tạo điều kiện thuận lợi cho ĐTNT và cơ quan quản lý thu thuế.

b. Trao quyền điều tra, khởi tố các vụ vi phạm pháp luật về thuế cho CQT.

Thực tiễn nước ta và kinh nghiệm các nước trên thế giới cho thấy còn có một bộ phận tổ chức, cá nhân cố tình trốn thuế, gian lận thuế, chiếm đoạt tiền thuế bằng nhiều thủ đoạn tinh vi; hành vi vi phạm pháp luật về thuế không chỉ diễn ra ở một đơn vị, cá nhân mà mọc nổi nhiều tổ chức, cá nhân, ở các địa phương trong phạm vi một nước, thậm chí liên quan đến nhiều quốc gia. Các vi phạm trên sẽ gia tăng nếu như cơ quan quản lý thuế không có chức năng và không được áp dụng các biện pháp hữu hiệu để ngăn chặn.

Điều tra thuế nhằm phát hiện kịp thời các hành vi trốn thuế, chiếm đoạt tiền thuế, để thu đủ tiền thuế vào NSNN, đảm bảo chống thất thu NSNN có hiệu quả cao; đảm bảo công bằng về nghĩa vụ thuế; tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các tổ chức, cá nhân nộp thuế.

Do cơ quan thuế có nguồn nhân lực với chuyên môn nghiệp vụ về thuế, kế toán tài chính, nắm giữ các thông tin về ĐTNT, có sự hợp tác quốc tế về thuế nên trao quyền điều tra, khởi tố các vụ vi phạm về thuế cho cơ quan thuế là cần thiết, để đảm bảo đấu tranh, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật thuế kịp thời và hiệu quả.

4.2.2.2. Đối với Bộ Tài chính

a. Hoàn thiện cơ sở pháp lý để triển khai đề án thanh toán không dùng tiền mặt.

Bộ Tài chính phối hợp với Ngân hàng Nhà nước sớm hoàn thiện cơ sở pháp lý và cơ sở hạ tầng để triển khai đề án thanh toán không dùng tiền mặt:

Đối với các hoạt động buôn lậu, trốn thuế, gian lận thương mại, tham nhũng...luồng luân chuyển tiền tệ phục vụ các hoạt động này có thể rất lớn, những người tham gia giao dịch này thường lựa chọn phương thức thanh toán bằng tiền mặt, xuất phát từ nhu cầu che giấu nguồn gốc giao dịch và danh tính của đối tượng tham gia. Do vậy, khi đề án thanh toán không dùng tiền mặt được thực hiện sẽ hạn chế đáng kể tình trạng trốn thuế, gian lận thương mại, buôn lậu..., giúp cho cơ quan thuế có thể kiểm tra được nguồn gốc của dòng tiền thông qua hệ thống ngân hàng.

b. Hoàn thiện hệ thống thông tin liên tịch với các cơ quan hữu quan nhằm nâng cao hiệu quả quản lý thuế.

Bộ Tài chính phối hợp với các cơ quan hữu quan (Ngân hàng Nhà nước, Kho bạc, Bảo hiểm, Hải Quan, Công an...) xây dựng thông tin liên tịch về thực hiện trao đổi, cung cấp thông tin cho nhau nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực thuế.

4.2.2.3. Đối với Tổng cục thuế

a. Hoàn thiện quy trình thanh tra, kiểm tra thuế.

- Hoàn thiện Quy trình thanh tra thay thế quy trình thanh tra theo quyết định 460/QĐ-TCT của Tổng cục Thuế phù hợp với quy định của Luật thanh tra 2010.

- Lập phương án triển khai xây dựng quy trình Kiểm tra thuế thay thế quy trình kiểm tra ban hành kèm theo QĐ 528/QĐ-TCT ngày 29/5/2008.

b. Xây dựng và ban hành quy chế giám sát đối với hoạt động thanh tra, kiểm tra thuế.

Xây dựng và ban hành qui chế giám sát đoàn thanh, kiểm tra với mục tiêu là giám sát nhằm chuẩn hóa các nội dung công việc đảm bảo tính minh bạch, tăng cường tính giám sát của cấp trên đối với cấp dưới, của trưởng đoàn với thành viên; tăng tính tuân thủ của cán bộ thanh, kiểm tra thuế; qui chế giám sát sẽ liên tục bổ sung, thay đổi cho phù hợp với thực tiễn.

c. Một số đề xuất, kiến nghị khác.

- Chức năng thanh tra đã phân cấp đến Chi cục, do đó cần sớm có các cơ sở pháp lý để triển khai nhằm giảm bớt áp lực cho công tác thanh tra hiện nay.

- Tập trung xây dựng các tài liệu thanh tra, kiểm tra mang tính chuyên sâu, chuyên ngành (như Sổ tay nghiệp vụ thanh tra, Sổ tay nghiệp vụ kiểm tra...) để phổ biến rộng rãi cho các Cục thuế địa phương triển khai thực hiện thống nhất trong toàn ngành.

4.2.2.4. Đối với Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc

- Chỉ đạo các Đoàn thanh tra thuế, Đoàn kiểm tra thuế và cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra thuế thực hiện đúng quy định Luật Quản lý thuế, Luật Thanh tra số 56/2010/QH12 ngày 15/11/2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành; Quy trình thanh tra thuế ban hành kèm theo Quyết định số 460/QĐ-TCT ngày 05/05/2009 và Quy trình kiểm tra thuế ban hành kèm theo Quyết định số 528/QĐ-TCT ngày 29/5/2008 của Tổng cục trưởng Tổng cục thuế; không tự đặt ra các thủ tục hành chính ngoài quy định để gây khó khăn cho doanh nghiệp.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của các Đoàn thanh tra, kiểm tra thuế và cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra thuế nhằm ngăn chặn và hạn chế tiêu cực, sai sót của cán bộ và các đoàn thanh tra, kiểm tra thuế. Nghiêm túc kiểm điểm và xử lý kỷ luật đối với các tập thể, cá nhân vi phạm nội quy, quy chế của ngành (có biểu hiện gây phiền hà, sách nhiễu NNT...). Kết hợp đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra thuế với việc chấm điểm thi đua đối với từng cán bộ.

- Định kỳ, tổng hợp kết quả thanh tra, kiểm tra, kết quả thu nộp sau thanh tra, kiểm tra trên phạm vi toàn tỉnh. Trên cơ sở đó thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc và hỗ trợ kịp thời để các bộ phận, các Chi cục thuế hoàn thành kế hoạch được giao.

- Tiếp tục tạo môi trường lành mạnh và giảm chi phí tuân thủ pháp luật thuế cho NNT trên địa bàn Tỉnh.

KẾT LUẬN

Thanh tra, kiểm tra thuế là một khâu rất quan trọng trong quy trình quản lý thuế. Trước tốc độ phát triển nhanh về số lượng, quy mô của các cơ sở kinh doanh và hiện tượng trốn thuế, gian lận thuế diễn ra ngày càng tinh vi, phức tạp, khó phát hiện như trong giai đoạn hiện nay, thì yêu cầu cải cách, hiện đại hoá ngành thuế, đặc biệt là công tác thanh tra, kiểm tra thuế theo hướng chuyên nghiệp nhằm nâng cao hơn nữa hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế là vấn đề hết sức cần thiết.

Trong phong trào thi đua phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ thu Ngân sách cùng với Ngành thuế cả nước những năm tiếp theo, Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc chủ trương phát huy tối đa những thế mạnh đã có, đồng thời huy động và tập trung toàn bộ nguồn lực khắc phục những hạn chế còn tồn tại trong công tác thanh tra, kiểm tra thuế, trên cơ sở đó hướng đến giá trị “minh bạch - chuyên nghiệp - liêm chính - đổi mới” trong công tác quản lý thuế.

Với ý nghĩa đó, đề tài “*Hoàn thiện công tác thanh tra, kiểm tra thuế tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc*” được Tác giả thực hiện với mong muốn các đề xuất và kiến nghị đưa ra có ý nghĩa thiết thực và hiệu quả đối với công tác thanh tra, kiểm tra thuế của tỉnh nói chung và công tác quản lý thuế nói riêng.

Như vậy, với thái độ làm việc nghiêm túc và tinh thần cầu thị, Tác giả đã hoàn thành Luận văn của mình. Luận văn đã khái quát được những vấn đề lý luận cơ bản của công tác thanh tra, kiểm tra thuế và thực tiễn triển khai công tác thanh tra, kiểm tra thuế ở một số nước trên thế giới; làm cơ sở để phân tích, đánh giá thực trạng công tác thanh tra, kiểm tra thuế tại Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc và đề xuất những giải pháp, kiến nghị để hoàn thiện công tác thanh tra, kiểm tra thuế trên địa bàn tỉnh theo hướng chuyên nghiệp hoá và phù hợp với xu thế phát triển của thế giới.

Mặc dù, Tác giả đã có nhiều cố gắng song do thời gian nghiên cứu có hạn và trình độ chuyên môn còn nhiều hạn chế nên Luận văn không tránh

khỏi thiếu sót. Tác giả rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu của các Thầy giáo, Cô giáo và các bạn bè, đồng nghiệp để Luận văn được hoàn thiện và đạt kết quả cao hơn. Xin trân trọng cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Đặng Chiến (2013), Cục thuế Hà Nội đổi mới công tác thanh tra chống thất thu thuế, <http://www.tapchitaichinh.vn/Su-kien-Tai-chinh/Cuc-Thue-Ha-Noi-doi-moi-cong-tac-thanh-tra-chong-that-thu-thue/25643.tctc>, ngày 25/05/2013.
2. Đặng Ngọc Chiến (2013), Thanh tra, kiểm tra thuế sao cho hiệu quả, <http://www.nhandan.com.vn/phapluat/thoi-su-phap-luat/item/20294302-.html>, ngày 15/05/2013.
3. Cục thuế thành phố Hà Nội (2012), *Báo cáo tham luận: Kết quả, tình hình thu ngân sách nhà nước 2012 và biện pháp quản lý thu ngân sách nhà nước năm 2013*, Hà Nội.
4. Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc (2010 - 2012), *Báo cáo đánh giá kết quả công tác thanh tra, kiểm tra thuế*, Vĩnh Phúc.
5. Quỳnh Đan (2013), Tăng cường kiểm tra để chống thất thu thuế, http://www.danangcity.gov.vn/portal/page/portal/danang/chinhquyen/tin_tuc?p_pers_id=42058&p_folder_id=&p_main_news_id=39936527, ngày 30/05/2013.
6. Nguyễn Hương Giang, Hoàn thiện công tác kiểm tra, thanh tra ở Cục thuế tỉnh Bình Dương, <http://thuvien24.com/hoan-thien-cong-tac-kiem-tra-thanh-tra-thue-o-cuc-thue-tinh-binh-duong--64942.html>, 20/4/2013.
7. Võ Thế Hào, Phan Mỹ Hạnh, Lê Quang Cường (2008), *Giáo trình thuế*, NXB Lao Động, Hà Nội.

8. Nguyễn Thị Thanh Hoài,(2013), Tăng cường công tác thanh tra thuế ở Việt Nam, <http://www.tapchitaichinh.vn/Trao-doi-Binh-luan/Tang-cuong-cong-tac-thanh-tra-thue-o-Viet-Nam/25832.tctc>, ngày 30/05/2013.
9. Xuân Hùng (2013), Thanh tra - kiểm tra, giải pháp hữu hiệu chống thất thu thuế, <http://www.baothanhhoa.vn/vn/kinh-te/n104133/Thanh-tra,-kiem-tra-giai-phap-huu-hieu-chong-that-thu-thue>, ngày 20/05/2013.
10. Nguyễn Thị Liên (2008), *Giáo trình nghiệp vụ thuế*, NXB Tài chính, Hà Nội.
11. *Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11*, Quốc hội ban hành ngày 29/11/2006.
12. *Luật Thanh tra số 56/2010/QH12*, Quốc hội ban hành ngày 15/11/2010.
13. *Quyết định số 108/QĐ-BTC quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục thuế trực thuộc Tổng cục Thuế*, Bộ Tài Chính ban hành ngày 14 tháng 01 năm 2010.
14. *Quyết định số 502/QĐ-TCT quy định chức năng, nhiệm vụ các phòng thuộc Cục thuế*, Tổng cục Trưởng Tổng cục Thuế ban hành ngày 29/3/2010.
15. *Quyết định 528/QĐ-TCT về việc ban hành quy trình kiểm tra thuế*, Tổng cục Thuế ban hành ngày 29/05/2008.
16. *Quyết định 460/QĐ-TCT về việc ban hành quy trình thanh tra thuế*, Tổng cục Thuế ban hành ngày 05/05/2009.
17. Đường Vinh Sương (2010), *Giáo trình đào tạo nghiệp vụ thanh tra viên thuế*, Trường Nghiệp vụ Thuế, Hà Nội.
18. Tổng cục Thuế (2012), *Báo cáo chuyên đề công tác thanh tra, kiểm tra thuế 2012, kế hoạch và giải pháp thanh tra, kiểm tra thuế năm 2013 trong toàn ngành*, Hà Nội.
19. Tổng cục Thuế, *Phân tích và đánh giá rủi ro trong hoạt động thanh tra thuế*, Trường Nghiệp vụ Thuế, Hà Nội.

20. Đỗ Ngọc Tú (2010), Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật thuế, <http://www.vnclp.gov.vn/UserControls/ckfinder/userfiles/files/Tiep-tuc-hoan-thien-he-thong-phap-luat-ve-thue.pdf>, ngày 01/07/2012.

Tiếng Anh

21. Jon Hills (2012), Malaysia tax guide 2012, *PKF (UK) LLP*, pp. 6.
22. Nick Heath (2013), UK politicians demand tax investigation, <http://www.zdnet.com/google-uk-politicians-demand-tax-investigation-7000016746/>, ngày 15/06/2013.
23. Park Geun-Hye (2013), Korea to Enhance Tax Investigation Powers, <http://koreanewsmonitor.com/>, ngày 20/05/2013.
24. Daniel J.Mitchell (2010), The United States of America: The Number One Tax Haven in the World, <http://www.taxhavenusa.com/>, ngày 22/05/2013
25. Jens Arnold (2012), Improving the Tax System in Indonesia, http://www.oecd-ilibrary.org/economics/improving-the-tax-system-in-indonesia_5k912j3r2qmr-en, ngày 22/05/2013.